

Số: 1041 /TTYT-KD

Văn Yên, ngày 24 tháng 6 năm 2025

V/v mời Báo giá và ký Hợp đồng cung cấp
thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện

Kính gửi: Các Nhà thầu cung cấp thuốc Generic và các thuốc chế phẩm Y học
cổ truyền trên toàn quốc

Căn cứ khoản 17, điều 4 luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đấu thầu theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đề nghị các Nhà thầu cung cấp thuốc Generic và các thuốc chế phẩm Y học cổ truyền tiến hành báo giá và ký kết hợp đồng cho Nhà thuốc Bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, cụ thể như sau:

1. Danh mục thuốc Generic: Gồm 361 khoản, tổng giá trị dự kiến: 2.909.219.740đ.

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ chín trăm linh chín triệu, hai trăm mười chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng. (Phụ lục II đính kèm)

2. Danh mục thuốc chế phẩm Y học cổ truyền: Gồm 14 khoản, tổng giá trị dự kiến: 110.623.600đ.

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng. (Phụ lục III đính kèm)

Giá thuốc: Là giá được tham khảo dựa trên kết quả trúng thầu của các Bệnh viện trên toàn quốc trong vòng 12 tháng gần nhất, được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia <http://muasamcong.mpi.gov.vn/>;

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định (Nhà thầu không cần thực hiện Bảo lãnh hợp đồng); (Có dự thảo hợp đồng kèm theo)

Nhà thầu cung cấp các loại thuốc tại phụ lục II, phụ lục III có thể báo giá một phần hoặc toàn bộ danh mục, các nhà thầu tham dự đề nghị gửi Công văn chấp thuận, báo giá theo Mẫu số 01 và hợp đồng có ký và đóng dấu bên bán. Trường hợp có điều chỉnh tăng về giá thuốc tại Phụ lục I, phụ lục III, đề nghị nhà thầu phải cung cấp kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng gần nhất để chứng minh.

Văn bản phản hồi và các tài liệu kèm theo đề nghị Nhà thầu gửi về Trung tâm Y tế trước ngày 30/06/2025 theo địa chỉ: Khoa dược-Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Mọi thắc mắc cần giải đáp xin vui lòng liên hệ qua số điện thoại: 0982.909.569 (Ds Sơn)

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu VT.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Vương Ngọc Biên

DANH MỤC THUỐC GENERIC ĐỂ NGUYỆN MUA SẴN CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN NĂM 2025-2026

Kèm theo Công văn số 1041 /TTT-KD ngày 24/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Văn Yên

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số ĐCLH, số GPNK	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Quốc gia xuất xứ	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả tương đương hoặc đơn phân giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch							
														Giá tương đương	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu tương đương	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Hapacol Caplet 500	Acetaminophen	500mg	VD-20564-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	330	5.000	1.650.000			IB2400616024-00	Bệnh viện Đa khoa Huyện Gia Lâm	3/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400616024-2503141610
2	Medinin Aciclovir 200	Aciclovir	200mg	VD-20576-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	950	1.000	950.000			IB2400262718-00	BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI	1/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	362/QĐ-BVBNĐ
3	Mechalin Clovir 800	Aciclovir	800mg	VD-22035-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	3.200	1.200	3.840.000			IB2400575419-00	Sở y tế tỉnh Vĩnh Long	3/22/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400575419-2503080909
4	Augul	Allopurinol	300mg	VD-26593-17	Uống	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	890	2.000	1.780.000			IB2400508632-02	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - KS tỉnh, Quận 7	3/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4
5	Zanamax	Azithromycin (dạng uống Azithromycin ethiodrat)	200 mg	VD-26004-16	Uống	Nhóm 3	Hộp 24 gói x 1,5g	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	1.600	480	768.000			IB2400573383-00	Trung tâm y tế Huyện Tân Dương	6/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400573383-2502061827
6	BisacodylDHG	Bisacodyl	5mg	VD-21123-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	315	2.000	630.000			IB240056405-00	BỆNH VIỆN QUẬN 1	4/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	228/QĐ-BV
7	AlphadHG	Cyproheptadine (tổng đương 4200 USP unit)	21 microkcal	VD-20546-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	800	5.000	4.000.000			IB2400521304-00	Bệnh viện Quận 11	1/20/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	285/QĐ-BV
8	Diclofenac DHG	Diclofenac natri	50mg	VD-20551-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Hậu Giang	Việt Nam	Viên	152	1.000	152.000			IB2400480701-00	Bệnh viện Tân Hà Nội	4/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	1212/QĐ-BVT
9	Tellor 180	Fenofenacin HCL	180mg	VD-25504-16	Uống	Nhóm 3	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	3.400	1.000	3.400.000			IB2400357554-00	Bệnh viện Đa Mục	1/22/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	214/QĐ-BVDM
10	Tellor 120	Fenofenacin HCL	120mg	8931002709	Uống	Nhóm 2	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	815	1.000	815.000			IB2400614924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400614924-250310950
11	Tellor 60	Fenofenacin HCL	60mg	VD-26604-17	Uống	Nhóm 2	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	589	1.000	589.000			IB2400442347-01	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM	3/25/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	944/QĐ-BV
12	Geopren 300	Gabapentin	300mg	8931102118	Uống	Nhóm 2	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	870	3.000	2.610.000			IB2400545297-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LONG AN	4/11/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	204/QĐ-BVNDKLA
13	Clinox	Lorazepam	10mg	VD-16194-12	Uống	Nhóm 2	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	280	3.600	1.008.000			IB2400616024-00	Bệnh viện Đa khoa	3/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400616024-2503141610
14	Magnesi - B6	Magnesi lactat diviphat + Vitamin B6	470mg + 5mg	VD-21782-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	650	1.000	650.000			IB2500025214-00	Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh	4/4/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500025214-2504021500
15	Fubenzon	Mefenorexol	500mg	VD-20552-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	5.000	100	500.000			IB2400508632-02	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - KS tỉnh, Quận 7	3/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4
16	Medion 4	Methylprednisolone	4mg	VD-21783-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	540	5.000	2.700.000			IB240054478-00	Bệnh viện Quân Bình Thạnh	2/27/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	65/QĐ-BV
17	Medion 16	Methylprednisolone	16mg	VD-24620-16	Uống	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1.364	3.000	4.092.000			IB240054297-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LONG AN	4/11/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	204/QĐ-BVNDKLA
18	Metronidazol 250	Metronidazol	250mg	VD-22036-14	Uống	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	252	6.000	1.512.000			IB2400573383-00	Trung tâm y tế Huyện Tân Dương	6/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400573383-2502061827
19	Onsel 245	Natri citrat diviphat + Kali citrat + Glucose khan	520mg + 580mg + 300mg + 2,7g	8931000954	Uống	Nhóm 4	Hộp 20 gói x 4,1g	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	1.000	1.000	1.000.000			IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500048246-2504112346
20	Hapacol 80	Paracetamol	80mg	VD-20564-14	Uống	Nhóm 3	Hộp 24 gói x 1,5g thuốc bột	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	1.100	240	264.000			IB2400598120-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐIỆN BIÊN	3/31/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400598120-250311523

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số DNLH, số GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trong thanh hoặc đàm phán giá làm căn cứ để định giá kế hoạch						
															Giá trị thanh toán	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trúng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
21	Hapacol 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	VD-21137-14 (893100040/923)	uống	thuốc bột sủi bọt	Nhóm 3	Hộp 24 gói x 1,5g	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	730	240	175.200	730	IB2300065140-00	Trung tâm Y tế huyện Hậu Lương tỉnh Long Sơn	11/1/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	44/QĐ-TT-YT
22	Hapacol 650	Paracetamol	650mg	VD-21138-14	Uống	viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	429	5.000	2.145.000	429	IB2400569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cần Lai	4/15/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400614924-2504150719
23	Hapacol 150 Flu	Paracetamol + Clopheniramin maleat	150mg + 1mg	VD-20537-14	Uống	thuốc bột sủi bọt	Nhóm 4	Hộp 24 gói x 1,5g thuốc bột	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	684	1.200	820.800	684	IB2400614924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400614924-2503310950
24	Hapacol Dạng nhũ	Paracetamol + Ibuprofen	325mg + 200mg	VD-20569-14	Uống	Viên nhũ	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	334	2.500	835.000	334	IB2400614924-00	Bệnh viện Khoa RHM Trung ương Hà Nội	1/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	105/QĐ-BVHMATVHN
25	Hapacol pain	Paracetamol + Ibuprofen	500mg + 200mg	VD-26598-17	Uống	viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	788	5.000	3.940.000	788	IB2400614924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400614924-2503310950
26	Hapacol CS day	Paracetamol + Phenylephrin HCL	650mg + 5mg	VD-20568-14	Uống	viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén dài	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	788	10.000	7.880.000	788	IB2400614924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400614924-2503310950
27	Hapacol Flu	Phenylephrin HCL + Clopheniramin maleat	500mg + 10mg + 2mg	VD-30131-18	Uống	viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	788	10.000	7.880.000	788	IB2400499923-00	Sở Y tế Đồng Nai	2/27/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT; 266/QĐ-SYT
28	ZidocudHG	Spiramycin + Metronidazol	750.000 IU + 125mg	VD-21559-14	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	1.990	4.000	7.960.000	1.990	IB2500004146-00	Trung tâm y tế huyện Thanh Oai	5/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02500004146-2503051138
29	Lenstro 30	Lansoprazol (dạng nang lisanoprazol pellet 8,5%)	30mg	VD-24619-16	Uống	viên nang cứng chứa hạt bao tan trong nước	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	1.200	1.500	1.800.000	1.200	IB2500037334-00	BEHNH VIỆN DA KHOA HUYỆN NGHI LỘC	3/25/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02500037334-2503260922
30	Medon's	Domperidon (dạng nang Domperidon maleat)	10mg	VD-20579-14	Uống	viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	270	5.000	1.350.000	270	IB2400571733-00	Bệnh viện Nguyễn Trãi	3/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400571733-2503211522
31	Expas Forte	Droxerone HCL	80mg	VD-30857-18	Uống	viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	889	2.000	1.778.000	889	IB2500037334-00	BEHNH VIỆN DA KHOA HUYỆN NGHI LỘC	3/25/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02500037334-2503250850
32	Expas 40	Droxerone hydrochlorid	40mg	VD-27563-17	Uống	viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	460	2.000	920.000	460	IB2500019421-00	TRUNG TÂM Y TẾ THANH PHỐ BẮC LIÊU	3/26/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02500019421-2503260922
33	Zentani	Acetyl leucin	100mg/ml x 10ml	VD-28885-18	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 4	Hộp 10 lọ x 10 ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Lọ 10ml	24.200	1.000	24.200.000	24.200	IB2400350167-00	Trung tâm y tế huyện Yên Sơn	11/10/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	376/QĐ-TT-YT
34	Progenila	Bacillus elasti	2x10^9 CFU/5ml	QLSP-903-15	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Hộp 4 vỉ x 5 ống (0,5ml)	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ống	5.460	3.000	16.380.000	5.460	IB2400422169-00	Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế	2/5/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	28/QĐ-BVH
35	Memoback 4mg	Galantarin	4mg/5ml	VD-31075-18	Uống	Dạng dịch uống	Nhóm 4	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ống 5ml	15.750	2.000	31.500.000	15.750	IB2500037334-00	BEHNH VIỆN DA KHOA HUYỆN NGHI LỘC	3/25/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02500037334-2503250850
36	BFS-Galantamine 5,0mg	Galantarin hydrobromid	5mg/5ml	VD-29703-18	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 4	Hộp 10 lọ x 5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ống 5ml	63.000	200	12.600.000	63.000	IB2400589287-00	Bệnh viện Phòng Khoa Da liễu Trung ương Quedn Lap	3/24/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400589287-2503180855
37	Hawaracid	Gel nhón hydroxyol lba + Magnesi hydroxyd + Simethicon	(220mg + 195mg +25mg) /10ml	VD-31072-18	Uống	Thuốc nước uống	Nhóm 4	Hộp 30 gói	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Gói	3.990	3.000	11.970.000	3.990	IB2400557999-00	Bệnh Viện Phụ Sản Thành Phố Cần Thơ	3/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400557999-2503141608
38	Dexamoni	Moxifloxacin (dạng dung moxifloxcen hydroclorid) + Dexamethason phosphat (dạng dung dexamethason natri phosphat)	5mg/ml + 1mg/ml, Ống 2ml	8931150765 (00 VD-26542-17)	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Nhóm 4	Hộp 1 ống 5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Lọ	21.000	200	4.200.000	21.000	IB2400557999-00	Bệnh Viện Phụ Sản Thành Phố Cần Thơ	3/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400557999-2503141608

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số BHLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả tương đương hoặc phân tích làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá tương đương	Mã TDMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu tương đương	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
39	Decuronol	Mestiloxacin + desmethyloxacin	(5mg + 1mg)/ml x 0,1ml	8931150785 00 (VD-26542-17)	Nhỏ mũi	Dạng dịch nhỏ mũi	Nhóm 4	Hộp 20 ống 0,4ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Lọ	5.500	200	1.100.000	5.500	IB2500056999-00	Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Bạc Liêu	6/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500056999-2503041643
40	Nemoxol sol	Nitroimidaz	30mg	VD-26126-17	Uống	Dạng dịch uống	Nhóm 4	Hộp 2 vỉ x 10 ml/ống nhựa	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ống	15.750	1.000	15.750.000	15.750	IB2400550487-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	6/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400550487-2503061429
41	BFS,Pracetam 400mg/ml	Pracetam	4g	VD-32508-19	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 4	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 10 ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ống 10ml	30.000	200	6.000.000	30.000	IB2400602920-00	Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phức hội thảo năng tỉnh Điện Biên	5/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400602920-2502051537
42	Hemolecin	Carbociclin	100mg/ml	8931102816 23	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 4	Hộp 10 lọ x 1 ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Lọ	346.500	600	207.900.000	346.500	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	20/25-06-03/73-59-59	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656
43	Zenablu nebules 2.5	Salbutamol sulfate	2,5mg/2,5ml	VD-21553-14	Hít qua máy khí dung	Dạng dịch dùng cho khí dung	Nhóm 4	Hộp 10 ống nhựa x 2,5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ống	4.410	2.000	8.820.000	4.410	IB2400573383-00	Trung tâm Y tế Huyện Tân Dương	6/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400573383-2502061827
44	Zenablu Nebules 5.0	Salbutamol sulfate	5mg/2,5ml	VD-21554-14	Hít qua máy khí dung	Dạng dịch dùng cho khí dung	Nhóm 4	Hộp 10 ống nhựa x 2,5ml	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ống	8.400	2.000	16.800.000	8.400	IB2400573383-00	Trung tâm Y tế Huyện Tân Dương	6/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400573383-2502061827
45	Aspirin- 100	Acid acetylsalicylic	100mg	VD-20058-13	Uống	Viên bao tan trong nước	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty CP Traphaco	Việt Nam	Viên	450	3.000	1.350.000	450	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656
46	Dibencic	Acid salicylic + Betamethason dipropionat	(3% + 0,064%)/15g	VD-23251-15	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 hộp 15g	Công ty cổ phần TRAPHACO	Việt Nam	Tộp	14.200	100	1.420.000	14.200	IB2500074420-00	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	4/1/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500074420-2504170902
47	Thuốc ho Meflorphan	Dexamethopha an HBr + Lorazepam + Guaifenesin	10mg + 2,5mg + 100mg	VD-19625-13	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco	Việt Nam	Viên	945	10.000	9.450.000	945	IB2400415058-00	Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên	11/1/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400415058-11/1/2024
48	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% - 10ml	VD-18075-12	Nhỏ Khôan mũi, Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mũi	Nhóm 4	Hộp 1 lọ x 10 ml	Công ty cổ phần TRAPHACO	Việt Nam	Lọ	3.800	2.000	7.600.000	3.800	IB2400422020-01	Bệnh viện Nữ Thái Bình	12/27/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400422020-12/27/2024
49	Ofloxacin 0,3%	Ofloxacin	0,3%/6ml	23 (VD-17714-12)	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 6 ml	Công ty cổ phần TRAPHACO	Việt Nam	Lọ	9.500	100	950.000	9.500	IB2500015133-00	Trung tâm Y tế huyện Đông Anh	3/20/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500015133-2503201544
50	Noxatria	Xylometazolin	0,05%/8ml	VD-24976-16	Nhỏ mũi	Dạng dịch nhỏ mũi	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 8ml	Công ty cổ phần TRAPHACO	Việt Nam	Lọ 8ml	8.000	200	1.600.000	8.000	IB2400447986-00	Trung tâm Y tế thành phố Huế	2/18/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400447986-2/18/2025
51	Amoxisid 30	Amoxiclo	30mg	8931000640 23	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steplapham-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.500	2.500	3.750.000	1.500	IB2500000284-00	Sở Y tế tỉnh Hà Dương	4/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500000284-2503041555
52	Shadowes 5 CAP	Amoxiclo (dưới dạng Amoxiclo bariatric)	5mg	VD-19602-13	Dùng ngoài	Viên nang cứng	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steplapham-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	730	6.000	4.380.000	730	IB2400480085-00	BỆNH VIỆN THANH HÀ NỘI	3/7/2025	Công ty cổ phần được phân chia	Đầu thầu rộng rãi	356/QĐ-BVTH
53	Aspirin STELLA 81mg	Aspirin	81 mg	VD-27517-17	Uống	Viên nén bao phim tan trong nước	Nhóm 2	Hộp 2 vỉ x 28 viên	Công ty TNHH liên doanh Steplapham-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	350	2.800	980.000	350	IB2500054151-00	BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH LAO CAI	4/15/2025	Công ty cổ phần được phân chia	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500054151-2504151609
54	Clarithromycin Stella 500mg	Clarithromycin	500mg	VD-26559-17	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Công ty TNHH liên doanh Steplapham-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	3.800	700	2.660.000	3.800	IB2400293672-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	11/26/2024	Công ty cổ phần được phân chia	Đầu thầu rộng rãi	1170/QĐ-BVT
55	Cobactin 1mg	Cobactin	1mg	VD-24573-16	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steplapham-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.100	2.000	2.200.000	1.100	IB2400303938-00	Bệnh viện Ban Điện Hà Nội	2/12/2025	Công ty cổ phần được phân chia	Đầu thầu rộng rãi	321/QĐ-BVBD-KD
56	Enalapril 5mg Stella	Enalapril	5mg	VD-24561-17	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Steplapham	Việt Nam	Viên	690	3.000	2.070.000	690	IB2400480055-00	BỆNH VIỆN THANH HÀ NỘI	3/7/2025	Công ty cổ phần được phân chia	Đầu thầu rộng rãi	326/QĐ-BVTH
57	Loperamide STELLA	Loperamid hydrochloride	2mg	9931003377 23	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steplapham-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	520	10.000	5.200.000	520	IB2500050236-00	Bệnh viện Nềg tế tỉnh Lào Cai	3/27/2025	Công ty cổ phần được phân chia	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500050236-2503261727
58	Nitrofin T20 Retard	Nitrofin	20mg	VD-24568-16	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steplapham-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	600	5.000	3.000.000	600	IB2400480701-00	Bệnh viện Tim Hà Nội	4/1/2025	Công ty cổ phần được phân chia	Đầu thầu rộng rãi	1212/QĐ-BVT

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số DKLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kế quả trưng thầu hoặc đơn phân giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trưng thầu	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
59	Thioclaf 75	Oclanuvir	75mg	VDS-165-22	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 1 (Shelapharm J.V. Co., Ltd. - Branch 1)	Việt Nam	Viên	15.000	500	7.500.000		IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500048246-2504112246
60	Pracetam 400	Pracetam	400mg	8931109149 24 (V/D-22675-15)	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	900	2.000	1.800.000		IB2400527353-00	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	2/18/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	582/QĐ-BVPC
61	Sandicore STELLA	Simethicon	1g	VD-2586-16	Uống	Nhũ dính uống	Nhóm 4	Hộp 1 chai x 15ml	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 2	Việt Nam	Chai 15ml	21.000	50	1.050.000		IB2400552966-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/29/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656
62	Sorbidi STELLA 5 g	Sorbidi	5g	8931003369 23 (V/D-22014-14)	Uống	Thuốc bột uống	Nhóm 4	Hộp 20 gói x 5g	Công ty TNHH Liên doanb Stella-Việt Nam	Việt Nam	Gói	950	2.000	1.900.000		IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500048246-2504112246
63	Stadlocin	Acetyl leucin	500mg	8931003388 23	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.200	2.200	5.500.000		IB2400357734-00	Bệnh viện Đại Mây	1/22/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	214/QĐ-BVĐM
64	Staripisic	Alphabetyromyprin	4,2mg	8931103525 23 (V/D-21117-14)	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	673	5.000	3.365.000		IB2400592571-00	Bệnh viện Hân Nghi Việt Đức	4/17/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400592571-2504141413
65	Sasylure 200 CAP	Acetyltyrosin	200 mg	8931000972 23 (V/D-22667-15)	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	773	5.000	3.865.000		IB2400592571-00	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4/17/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400592571-2504141413
66	Scannuron	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 200mg + 200mg	8931103524 23 (V/D-22677-15)	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.200	5.000	6.000.000		IB2400618952-00	Trung tâm y tế huyện Từ Sơn	3/14/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400618952-2503140858
67	Kemurine	Calc-3-methyl-2-oxo-valeran + Calc-4-methyl-2-oxo-valerat + Calc-2-oxo-3-phenyl-propionat + Calc-3-methyl-2-oxo-butyrat + Calc-DL-2-hydroxy-4-(methylthio)butyral + L-lysine acetat + L-theoc...	67mg + 101mg + 68mg + 86mg + 59mg + 103mg + 55mg + 23mg + 38mg + 30mg (50mg butyral + L-lysine acetat + L-theoc...	8931104216 24 (V/D-27523-17)	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanb Scilapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	11.500	1.200	13.800.000		IB2500057517-00	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	3/24/2025	Công ty cổ phần được phân Chia Linh	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500057517-2503241130
68	Sinecta	Domesticin	3g	VN-19485-15	Uống	Bê phia hỗn dịch uống	Nhóm 1	Hộp 10 gói (mỗi gói x 3,7g)	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	4.082	1.000	4.082.000		IB250000284-00	Sở y tế tỉnh Hà Dương	4/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHÂN CHIA Y TẾ HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	KQ250000284-2503041555
69	Depakine 200mg	Natri valproat	200mg	8401140101 24 (VN-21128-18)	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 40 viên	Sanoel Aventis S.A	Tây Ban Nha	Viên	2.479	2.000	4.958.000		IB2400442347-01	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM	3/25/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHÂN CHIA Y TẾ HOANG ĐỨC	Đầu thầu rộng rãi	944/QĐ-BV
70	Dopazine 200mg/ml	Natri valproate	200mg/ml	8681140878 23	Uống	Dạng dịch thuốc uống	Nhóm 2	Hộp 1 chai đựng và 1 vialm có vech chứa liều để lấy thuốc	Cơ sở sản xuất và đóng gói: Sanoel Ilae Sanoel Ve Tienet Aveonon Siroet; Cơ sở phân phối và xuất khẩu: Sanoel Winthrop Industriac	Nước sản xuất và đóng gói: Thái Ninh Kỵ; Nước phân phối và xuất khẩu: Sanoel Phan	Chai	80.696	100	8.069.600		IB2500023153-00	Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng	3/18/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHÂN CHIA Y TẾ HOANG ĐỨC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500023153-2503180949
71	Tigecycl 1	Acemecicimol	1mg	8931102833 23	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần được phân Chia Vi Phú	Việt Nam	Viên	2.450	2.000	4.900.000		IB2500569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHÂN CHIA Y TẾ HOANG ĐỨC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400569074-2504150719

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số BKLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Cải trưng thầu	Mã TBMT	Cơ sở y tế Ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
72	Ryzonal	Eperizon HCl	50mg	VD-27451-17	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Viên	444	1.800	799.200		444	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TIỀN GIANG	1/8/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	17/QĐ-BVĐKXTG
73	Endip-150	Ibuprofen	150mg	VD-27440-17	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Viên	855	1.000	855.000		855	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương	11/28/2024	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	2979/QĐ-BV
74	Coxitis	Meloxicam	7,2mg	VD-31633-19	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Viên	154	3.000	462.000		154	Trung tâm Mưa bão tập trung quốc gia	12/12/2024	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	97/QĐ-TTMS
75	Fraxilux	Sproutacton, Fusaricid	50mg, 20mg	VD-28458-17	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Phú	Việt Nam	Viên	1.200	1.500	1.800.000		1.200	Bệnh viện Quận Bình Thạnh	2/27/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	69/QĐ-BV
76	Albumin 20%	Human Albumin	20% x 50ml	QLSP-900-15	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 1	Hộp 1 chai x 50ml	Grifols Biologics Inc	Mỹ	Chai	859.513	200	171.902.600		859.513	BỆNH VIỆN NHÂN ÁI	10/7/2024	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	224/QĐ-BVNA
77	Aqualetta vitamin D3	Cholecalciferol	15000 IU/ml	VN-21328-18	Uống	Dạng dịch uống	Nhóm 1	Hộp 1 lọ 10ml	CSSX, đồng gộp, Kien soat, Polipharma S.A, Medicus brand in Serbia; CS suot xuong lo: Pharmaceutical Works Polipharma S.A, Medicus brand in Serbia	Việt Nam	Lọ	62.000	500	31.000.000		62.000	Bệnh viện Quận Tân Phú	3/14/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552961_2503140909
78	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Povidon iod	10% kHt	5291007904 24 (VN-19506-15)	Dùng dịch dùng ngoài	Dạng dịch dùng ngoài	Nhóm 1	Hộp 1 chai 125ml	Mundipharma Pharmaceutical Ltd	Cyprus	Chai	45.368	500	22.684.000		45.368	Bệnh viện Rạng Hạm Mũi Trưng ương Hà Nội	1/8/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	30/QĐ-BVBNMTWVN
79	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Povidon iod	10% kHt	VN-19506-15	Dùng dịch dùng ngoài	Dạng dịch dùng ngoài	Nhóm 1	Hộp 1 chai 50ml	Mundipharma Pharmaceutical Ltd	Cyprus	Chai	32.499	200	6.499.800		32.499	Trung tâm Đa khoa	5/7/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400622974_2504291559
80	Betadine Ointment 10% w/v	Povidon iod	10% (kHt)	VN-20577-17	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Nhóm 1	Hộp 1 tuýp 40g	Mundipharma Pharmaceutical Ltd	Cyprus	Tuýp	51.240	100	5.124.000		51.240	Sở Y tế Đồng Nai	2/27/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT, 266/QĐ-SYT
81	Betadine vaginal douche	Povidon iod	10% (kHt)	VN-22442-19	Dùng ngoài	Dạng dịch sát trùng âm đạo	Nhóm 1	Hộp 1 chai 125ml	Mundipharma Pharmaceutical Ltd	Cyprus	Chai	45.368	200	9.073.600		45.368	Viện Tin Thành phố Hồ Chí Minh	4/4/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500052314_2504021500
82	Bisepiol	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(200mg + 40mg)/5ml	VN-20800-17	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 1	Hộp 1 chai 80ml	Polipharma S.A, Medicus brand in Serbia	Ba Lan	Chai	100.000	50	5.000.000		100.000	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LONG AN	4/11/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	2047/QĐ-BVĐKXA
83	Bromhexin Adams Ring	Bromhexin hydrochlorid	8mg	3801003995	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Balkanpharma - Dapnisa AD	Bulgaria	Viên	475	2.000	950.000		475	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LONG AN	4/11/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	2047/QĐ-BVĐKXA
84	Decolgen Forte	Paracetamol + Phenylephrine HCl + Chlorpheniramin maleat	500mg + 10mg + 2mg	VD-21573-14	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 25 vỉ x 4 viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	1.192	5.000	5.960.000		1.192	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TUYẾN QUẢNG	1/14/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	03/QĐ-BVĐK
85	Decolgen ND	Paracetamol + Phenylephrin HCl	500mg + 10mg	VD-22382-15	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 25 vỉ x 4 viên	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	1.192	5.000	5.960.000		1.192	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG	1/14/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	03/QĐ-BVĐK
86	Drypsan	Betamethasone (Betamethasone dipropionate) + Betamethasone (dạng dùng Betamethasone disodium phosphate)	5mg/ml + 2mg/ml	VN-22026-19	Tiền	Hỗn dịch để tiêm	Nhóm 1	Hộp 1 ống 1ml	Organon Heist bv	Bel	Ống	75.244	200	15.048.800		75.244	Bệnh viện Quận y 110	3/4/2025	CÔNG TY TNHH1 ĐƯỢC PHÂN VÃ TRĂNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BJC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500060533_2504031527

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số BDKH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Quốc Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng bày hoặc đàm phán giá bán của các cơ sở đang giá trị học							
															Giá trưng bày	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà sản xuất	Hình thức chọn nhà thầu	Số Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
87	Efferalgan	Paracetamol	500mg	VN-21216-18	Uống	Viên nén sát bột	Nhóm 1	Hộp 4 vỉ x 4 viên	UPSA SAS	Pháp	Viên	2.436	2.400	5.846.400	2.436	IB2400412337-00	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	12/20/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	3404/QĐ-BV	
88	Efferalgan	Paracetamol	80mg	VN-20952-18	Bất hiệu môn	Viên đạn	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Bristol - Myers Squibb	Pháp	Viên	2.025	2.400	4.860.000	2.025	IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2500048246-2504112246	
89	Efferalgan	Paracetamol	300mg	VN-21217-18	Bất hiệu môn	Viên đạn	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Bristol - Myers Squibb	Pháp	Viên	2.832	2.400	6.796.800	2.832	IB240064924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO240064924-250310950	
90	Efferalgan	Paracetamol	150mg	VN-21850-19	Dầu hậu môn	Thuốc đạn	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Bristol - Myers Squibb	Pháp	Viên	2.421	2.400	5.810.400	2.421	IB240064924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO240064924-2504112246	
91	Efferalgan	Paracetamol	80mg	VN-19070-15	Uống	Bộ sai bộ để pha dung dịch uống	Nhóm 1	Hộp 12 gói	UPSA SAS	Pháp	Gói	1.938	2.400	4.651.200	1.938	IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2500048246-2504112246	
92	Efferalgan	Paracetamol	150mg	VN-21849-19	Uống	Bộ sai bộ để pha dung dịch uống	Nhóm 1	Hộp 12 gói	UPSA SAS	Pháp	Gói	2.553	2.400	6.127.200	2.553	IB2400588789-00	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	6/2/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2400588789-2502060725	
93	Efferalgan	Paracetamol	250mg	VN-21413-18	Uống	Bộ sai bộ để pha dung dịch uống	Nhóm 1	Hộp 12 gói	Bristol Myers Squibb	Pháp	Gói	3.280	2.400	7.872.000	3.280	IB2400588789-00	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	6/2/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2400588789-2502060725	
94	Efferalgan Codine	Paracetamol + Codein phosphat	500mg + 30mg	VN-20953-18	Uống	Viên nén sát bột	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 4 viên	UPSA SAS	Pháp	Viên	3.738	800	3.006.400	3.738	IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2500048246-2504112246	
95	Fortrans	Macrogol 4000 + Anhydrous sodium sulfate + Sodium bicarbonate + Sodium chloride + Potassium chloride	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	VN-19677-16	Uống	Bộ pha dung dịch uống	Nhóm 1	Hộp 4 gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Gói	35.970	600	21.582.000	35.970	IB2400622526-00	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	5/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2400622526-2503051019	
96	Foricort	Flutic acid + Beclomethason (dạng dung dịch)	2% (w/v) + 0,1% (w/v)	VN-14208-11	Dạng ngửi	Kem	Nhóm 1	Hộp 1 tuýp 15g	LEO Laboratories Limited	Ireland	Tộp	98.340	200	19.668.000	98.340	IB2400588789-00	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	6/2/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2400588789-2502060725	
97	Fucidin H	Acid Fusidic + Hydrocortison acetal	20mg/g + 10mg/g	5391100348-23	Dạng ngửi	Kem	Nhóm 1	Hộp 1 tuýp 15g	LEO Laboratories Limited	Ireland	Tộp	97.130	100	9.713.000	97.130	IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2500048246-2504112246	
98	Fugacer	Mefenamic acid	500mg	5601002069-23	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 01 vỉ x 01 viên	Laurofarmaceutica Sociedade Tecnica Farmaceutica, S.A.	Portugal	Viên	22.000	100	2.200.000	22.000	IB2400597773-00	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	3/19/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2400597773-2503141819	
99	Gaviscon	Natri alginate + Natri bicarbonate + Calcium carbonate	(300mg + 267mg + 160mg)/10ml	VN-13849-11	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 1	Hộp 24 gói x 10ml	Reduit Bechler	Anh	Gói	6.135	480	2.944.800	6.135	IB2400384478-00	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	2/27/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	65/QĐ-BV	
100	Gaviscon Dual Action	Alginate natri + Natri bicarbonate + Calcium carbonate	(300mg + 213mg + 325mg)/10ml	VN-18654-15	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 1	Hộp 24 gói x 10ml	Reduit Bechler	Anh	Gói	7.422	480	3.562.560	7.422	IB2400397677-00	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	3/9/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	472/QĐ-BVNDGP	
101	Humana Albumin Gated 20%	Human albumin (10g/50ml)	20%, 200g/1 (10g/50ml)	QLSP-1149-19	Truyền truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Hộp 1 lọ x 50ml	Instituto Grifols, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	791.700	200	158.340.000	791.700	IB2400219272-00	BỆNH VIỆN NHƯ BÔNG THANH PHỐ	10/22/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	117/QĐ-BVNDGP	
102	Masurol	Dexamethason + Neomycin sulfate + Polymyxin B sulfate	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram	VN-21925-19	Truyền truyền	Thuốc mỡ tra mắt	Nhóm 1	Hộp 1 tuýp 3,5g	S.A. Alcon-Couvreur n.v.	Bel	Tộp	51.900	50	2.595.000	51.900	IB2400622974-00	Trung tâm Da liễu	5/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2400622974-2504291559	
103	Mastrol	Dexamethason sulfate + Neomycin Polymyxin B sulfate	(1mg + 3500IU + 6000IU)/ml	VN-21453-18	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhóm 1	Hộp 1 lọ đến gói 5ml	SA Alcon-Couvreur NV	Bel	Lọ	41.800	50	2.090.000	41.800	IB2400588789-00	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	6/2/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2400588789-2502060725	
104	Methycobal 500mcg	Mecobalamin	500mcg	VN-22238-19	Uống	Viên nén bao đường	Nhóm 1	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Bushin Pharmaceutics Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên	3.507	900	3.156.300	3.507	IB2500015877-00	Bệnh viện Quân 12	3/19/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2500015877-2503191647	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số DULH, số CPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá bán căn cứ dự định giá kế hoạch							
															Giá trưng thầu	Mã TBMT	Cơ sở ý kiến ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trúng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
105	Methybol Injection 500 µg	Meclothanin	0,5mg/ml	4991100273 23	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 1	Hộp 10 ống x 1ml	Nipho Pharma Corporation Jsc Phat	Nhật	Ông	36.383	1.000	36.383.000	36.383	IB2400537754-00	Bệnh viện Đà Nẵng	1/22/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	214/QĐ-BVDM	
106	Mediamin-M	Domeperidone	10mg	VN-14215-11	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Oile (Thailand) Ltd	Thái Lan	Viên	1.813	1.000	1.813.000	1.813	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	K02400552906-2503061656	
107	Organerol	Lynestrenol	5µ	VN-21209-18	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 30 viên	N.V. Organon	Hà Lan	Viên	2.360	1.500	3.540.000	2.360	IB240056495-00	BENH VIEN QUAN 1	4/11/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	228/QĐ-BV	
108	Paradol cân cân	Paracetamol + Phenyldiphenyl hydrochloride	500mg + 25mg + 5mg	GC-325-19	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 5	Hộp 15 vỉ x 12 viên	Công ty Cổ phần Sanoat Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.100	3.600	3.960.000	1.100	IB2400557999-00	Bệnh viện Phụ Sản Thành Phố Cần Thơ	3/17/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	K02400557999-2503141608	
109	Paradol extra	Paracetamol + Codein	500mg + 65mg	GC-307-18	Uống	Viên nén	Nhóm 5	Hộp 15 vỉ x 12 viên	Công ty Cổ phần Sanoat Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.258	18.000	22.644.000	1.258	IB2400338581-00	Bệnh viện Đa Khoa Thái Ninh	9/10/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	538/QĐ-BV	
110	Sarocoba	Cyprocobanin (Vitamin B12)	1mg/5ml	VN-19342-15	Nhà Khoa Máu	Dạng dịch nhỏ Khoa Máu	Nhóm 1	Hộp 1 lọ x 5 ml	Santen Pharmaceutical Co., Ltd - Nhà máy Noto - N	Nhật	Lọ 5ml	51.996	100	5.199.600	51.996	IB2400557999-00	Bệnh viện Phụ Sản Thành Phố Cần Thơ	3/17/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	K02400557999-2503141608	
111	Stepelis Throat Irritation & Cough	Ambroxol hydrochloride	15mg	8851000185 24	Ngậm	Viên ngậm	Nhóm 5	Hộp 2 vỉ x 12 viên	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd	Thái Lan	Viên	1.769	2.400	4.245.600	1.769	IB2400499923-00	Sở y tế Đồng Nai	2/27/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT, 266/QĐ-STT	
112	Streptolixapro	Flurbiprofen natri	8,75mg	8851000332 23 (VN-20080-16)	Uống	Viên ngậm	Nhóm 5	Hộp 2 vỉ x 8 viên	Healcare Manufacturing (Thailand) Ltd	Thái Lan	Viên	1.849	1.600	2.958.400	1.849	IB2500017461-00	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	4/17/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	K02500017461-2504171466	
113	Singeron	Cinnarizine	2,5mg	VN-14218-11	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 25 vỉ x 10 viên nén	OLIC (Thailand) Limited	Thái Lan	Viên	742	2.500	1.855.000	742	IB2400454297-00	BENH VIEN DA AN KHOA TRUNG TAM AN GIANG	4/11/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	2047/QĐ-BVĐCLA	
114	Tangitol 500mg	Acetylcholine	500mg	VN-22534-20	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	Viên	4.612	3.000	13.836.000	4.612	IB2400625256-00	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	5/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	K02400625256-2503051019	
115	Ultracet	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5mg + 325mg	VN-22778-21	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Jaussen Chang S.P.A.	Ý	Viên	5.900	1.200	7.080.000	5.900	IB2400322322-00	BENH VIEN QUAN DAN Y KIEN DONG	11/13/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	3/221/903	
116	Acumeu kids	Mife 0,5g chứa Acetylsalicylic 100mg	100mg	8931004956 24 (VD-33019-19)	Uống	Thuốc viên	Nhóm 4	Hộp 30 gói x 0,5g	Công ty Cổ phần Sanoat Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.698	3.000	5.094.000	1.698	IB2400412537-00	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	12/20/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	3404/QĐ-BV	
117	Singular (dạng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme Corp, USA; Dạng gói cấp 2: Merck Sharp & Dohme B.V.Hà Lan)	Montelukast (dạng gói cấp 2: Merck Sharp & Dohme B.V.Hà Lan)	4mg	VN-20814-17	Uống	Cốm	Nhóm 1	Hộp 28 gói	Pedion Manufacturing Services LLC	Mỹ	Gói	13.502	5.600	75.612.000	13.502	IB2300386158-00	Bệnh viện Tân Hà Nội	7/3/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	Đầu thầu rộng rãi	710/QĐ-BVT	
118	ACC 200	Mife gói 3g chứa Acetylsalicylic 200mg	200mg	VN-19978-16	Uống	Bột pha dung dịch uống	Nhóm 1	Hộp 50 gói x 3g	Landopharm GmbH	Đức	Gói	1.594	2.500	3.985.000	1.594	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	K02400552906-2503061656	
119	Baserec 24mg	Betahistine dihydrochloride	24mg	3001107797 24 (VN-21651-19)	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	5.962	1.000	5.962.000	5.962	IB2400550487-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	K02400550487-2503061429	
120	Covercan 5mg/5mg	Perindopril arginine 5mg- (trong đó 3,395mg perindopril); 5mg/5mg Ambiphenadone 1 mg	5mg, 5mg	VN-18635-15	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 1 lọ x 30 viên	Servier Ireland Industries Ltd	Ái-len	Viên	6.589	6.000	39.534.000	6.589	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	K02400552906-2503061656	
121	Covercan 5mg/5mg	Perindopril arginine (trong đó 3,395mg perindopril); 5 mg, 1,25mg	5 mg, 1,25mg	VN-18353-14	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 1 lọ 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	6.500	1.500	9.750.000	6.500	IB2400550487-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	K02400550487-2503061429	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số DKLH, số GPKK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trưng thầu	MA TBMT	Cơ sở để ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định/trưng	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
122	Daflon 500mg	Phân đoạn: Flavonoid vi hạt tính dễ ung với: Diosmin 90%, 450mg; Các flavonoid khác đủ bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	VN-22531-20	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 4 vi x 15 viên	Server	Pháp	Viên	3.886	3.000	11.658.000	3.886	IB2400618513-00	Bệnh viện Y học Cổ Truyền Tỉnh Thừa Thiên Huế	4/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400618513_250504001
123	Duphalac	Lactulose	10g/15ml	8701000673-23	Uống	Dạng dịch uống	Nhóm 1	Hộp 20 gói x 15ml	Abbott Biologics B.V	Hà Lan	Gói	5.600	2.000	11.200.000	5.600	IB2500058246-00	Bệnh viện Quận 8	4/18/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500058246_2504181203
124	Duphaston	Dydrogesterone	10mg	VN-211159-18	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 1 vi x 20 viên	Abbott Biologics B.V	Hà Lan	Viên	7.728	2.000	15.456.000	7.728	IB2300390842-00	Bệnh viện Quận 12	12/6/2024	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Đầu thầu rộng rãi	1324/QĐ-BV
125	Flexbumin 20%	Albumin người	10g/50ml	QLSP-0750-13	Tiền truyền tĩnh mạch...	Dạng dịch truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Hộp 1 túi nhựa GALAXY x 50ml	Baxtera US	Mỹ	Túi 50ml	800.000	200	160.000.000	800.000	IB2500031575-00	Bệnh viện Phủ lịnh Bắc Ninh	4/4/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500031575_2504041626
126	GLIOMOTI - M	Damperiden	10mg	VD-20196-13	Uống	Viên bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Việt Nam	Viên	499	5.000	2.495.000	499	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quận 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906_2504061656
127	Indur	Isosorbide-5-mononitrat	30mg	VN-16126-13	Uống	Viên nén bao phim	NHOM 2	Hộp 2 vi x 15 viên	Astrazenca	Trung Quốc	Viên	3.245	300	973.500	3.245	IB2400299071-00	Bệnh viện Quận Bình Thuận	12/4/2024	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	409/QĐ-BV
128	Kalored	Kali chlorid	600mg	VN-15699-12	Uống	Viên bao phim giải phóng chậm	Nhóm 1	Hộp 3 vi x 10 viên	Leo Pharmaceutical Products Ltd, A/S (Leo Pharma A/S)	Đan Mạch	Viên	2.100	1.500	3.150.000	2.100	IB2300390842-00	Bệnh viện Quận 12	12/6/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Đầu thầu rộng rãi	1324/QĐ-BV
129	Klacid	Clarithromycin	125mg/5ml/ Hộp 60ml	8991103993-23	Uống	Cồn pha hỗn dịch uống	Nhóm 5	Hộp 1 lọ 60ml	PT. Abbot Indonesia	Indonesia	Lọ	103.140	200	20.628.000	103.140	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quận 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906_2504061656
130	Levodopax	Levodopaxine mới	50mg	VN-17750-14	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 3 vi x 10 viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSPG và xuất xứ: Merck S.A de C.V.	CSSX: Đức, đóng gói và xuất xứ: Mexico	Viên	1.007	6.000	6.042.000	1.007	IB2300391452-00	Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Chương	2024.12-03/06.55:43	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	125/QĐ-BVTC
131	Levodopax	Levodopaxine mới	100mg	VN-22523-22	Uống	Viên nén	BDG	Hộp 2 vi x 15 viên	Merck Healthcare KGaA	Đức	Viên	1.610	6.000	9.660.000	1.610	IB2400549164-00	Bệnh viện Trung ương Quận 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400549164_2504061426
132	Naritan 1,5mg/5mg	Idopamide 1,5mg, Amlodipine (dạng Amolipone) bariatric 5mg	1,5mg; 5mg	3001100298-23	Uống	Viên nén giải phóng chậm	Nhóm 1	Hộp 6 vi x 5 viên	Los Laboratories Service Industrie	Pháp	Viên	4.987	3.000	14.961.000	4.987	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quận 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906_2505061656



STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nhãn đj, Hạng tương	Số ĐK/H, số GPVK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trình bày hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trình bày mẫu	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trình bày mẫu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1															16	17	18	19	20	21	22
133	Nephrocent	L-Alania, L-Arginin, Amino-acetic acid (Glycin), L-Histidin, L-Isoleucin, L-Leucin, L-Lysin, L-Methionin, L-Phenylalanin, L-Prolin, L-Serin, L-Threonin, L-Tryptophan,... (tương đương L-lysine), L-lysine, L-Methionin 0,70g...	VN-17948-14 Tiêm truyền Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 1	Thùng 10 chai 250ml	Freemove Kabri Korea Ltd.	Áo	Chai	112.000	200	22.400.000	112.000	IB2400550487-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400550487-2503061429			
134	Progynova	Estadiol valerat	2mg	VN-20915-18	Uống	Viên nén bao đường	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 28 viên	CSSX: Doppelarm Lille SAS, CSSX: Sandoz Bayer Weimar GmbH und Co. KG	CSSX: Pháp, Áo, Đức	Viên	3.275	5.600	18.340.000	3.275	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656
135	Thyrozol 5mg (Cá sấu dùng gói và xuất xưởng P&G Health Austria GmbH & Co. O.G. địa chỉ: Haidgasse 20 9800 Spital/Drau-Austria)	Thiamazole	5mg	VN-21907-19	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA, CSSD: và xuất xưởng P&G Health Austria GmbH & Co. O.G	CSSX: Đức, CSSD: và xuất xưởng Áo	Viên	1.400	1.000	1.400.000	1.400	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656
136	Transamin Tablets	Transaminic acid	500 mg	VN-17416-13	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Onic (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Viên	3.850	3.000	11.550.000	3.850	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656
137	Urogestan 200mg	Progesterone (dạng bột mịn)	200mg	VN-19020-15	Uống, đặt âm đạo	Viên nang mềm	Nhóm 1	Hộp 15 viên (1 vỉ 7 viên + 1 vỉ 8 viên)	Sau xuất bản thành phần: Capogel Phormel, Dong gioi, kiem nghiệm và xuất xưởng: Beasins Manufacture Belgium	CSSX: bản thành phần: Phap, Đức, Bỉ, kiem nghiệm, xuất xưởng: Bỉ	Viên	14.848	750	11.136.000	14.848	IB2300390842-00	Bệnh viện Quân 12	12/6/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Đầu thầu rộng rãi	1324QD-BV
138	Halticol	Amibroxol hydrochloride	30mg	VN-16748-13	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Egis Pharmaceuticals Public Limited Company	Hungary	Viên	1.500	400	600.000	1.500	IB2400442347-01	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM	3/25/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU ĐƯỢC PHAM BEN TEE	Đầu thầu rộng rãi	944/QĐ-BV
139	Halticol	Amibroxol hydrochloride	15mg/5ml	VN-17427-13	Uống	Siro	Nhóm 1	Hộp 1 lọ 100ml	Egis Pharmaceuticals Public Limited Company	Hungary	Lọ 100ml	58.500	900	52.650.000	58.500	IB240040108-00	Bệnh viện Tim Hà Nội	3/13/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU ĐƯỢC PHAM BEN TEE	Đầu thầu rộng rãi	986/QĐ-BVT
140	Enterogran	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/g	QLSP-954-16	Uống	Thuốc bột	Nhóm 4	Hộp 20 gói x 1g	Công ty CP Vắc xin và Sinh phẩm Nhà Tissue	Việt Nam	Gói	2.491	2.000	4.982.000	2.491	IB2500079419-00	Bệnh viện Phụ nữ dân chúng tỉnh Lào Cai	4/15/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU ĐƯỢC PHAM BEN TEE	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500079419-2504151713
141	BIOSUBTYL-II	Bacillus subtilis	10 ml 7 - 10 ml 8 CFU/g	QLSP-485-15	Uống	Thuốc bột	Nhóm 4	Hộp 25 gói x 1g	Công ty CP Vắc xin và Sinh phẩm Nhà Tissue	Việt Nam	Gói	1.596	5.000	7.980.000	1.596	IB2400499923-00	Sở Y tế Đồng Nai	2/27/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU ĐƯỢC PHAM BEN TEE	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT, 266/QĐ-SYT
142	Verosipron	Spirodoxone	25mg	VN-16485-13	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	2.835	2.000	5.670.000	2.835	IB240058789-00	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	6/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU ĐƯỢC PHAM BEN TEE	Đầu thầu rộng rãi	KQ240058789-2502060725
143	Silvitra	Sildenafil Bec U.S.P	1% (10ml)	VN-21107-18	Dùng ngoài	Kem bôi da	Nhóm 5	Hộp 1 lọ x 20g	Sacum Pharmaceuticals & Chemicals Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Tộp 20g	17.250	20	345.000	17.250	IB2400381591-03	Bệnh viện Nhi Hải Dương	12/25/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU ĐƯỢC PHAM BEN TEE	Đầu thầu rộng rãi	2006 QĐ/BVN
144	Philoceas Eye Drops	Tobramycin	15mg/5ml	VN-19819-15	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Nhóm 2	Hộp 1 lọ x 5ml	Hanlin Pharm Co, Ltd	Hàn Quốc	Lọ	27.500	100	2.750.000	27.500	IB2500600284-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	3/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIỆU ĐƯỢC PHAM BEN TEE	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400602997-2503141654

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số ĐCLM, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả kiểm tra hoặc tham phân giá làm căn cứ xây dựng giá kê hoạch						
															Giá trị hàng hóa	Mã TBM.T	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trúng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
145	Aciclovir	Aciclovir	5%:5g	VD-24956-16 (693100002-024)	Dạng ngoại	Kem bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 5 gam	CT CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	4.400	300	1.320.000	4.400	IB24003000R70-00	Bệnh viện đa khoa Sóc Trăng	10/28/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHAM PHONG HOA	Đầu thầu rộng rãi	1120/QĐ-BVĐK
146	Medidovir	Aciclovir	0,3%/5g	VD-34095-20	Tra Khoa Mắt	Thuốc nhỏ mắt	Nhóm 4	Hộp 01 tuýp 5g	CT CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	49.350	20	987.000	49.350	IB2500004387-01	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	3/25/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DUỐC PHAM XUYEN HOA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500004387-2503251422
147	Biozka	Acid alpha lipic	300mg	8931102478-23	Lỏng	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty CP Dược Vại úy y tế Hà Nam	Việt Nam	Viên	8.000	1.500	12.000.000	8.000	IB2400355286-01	Bệnh viện Đa khoa Đông Đa	10/30/2024	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DUỐC PHAM HACINCO VIỆT NAM	Đầu thầu rộng rãi	768/QĐ-BVĐB, 766/QĐ-BVĐD
148	Combilipid Port Injection	Acid aminu + glucose + lipid	(11,3% 89ml + 11% 256ml + 20% 68ml) 384ml	VN-20531-17	Tiền tuyến	Thuốc tiêm truyền	Nhóm 2	Tuồng carton chứa 8 túi x 384ml	JV Life Science Corporation	Hàn Quốc	Bịch	620.000	80	49.600.000	620.000	IB2400597773-00	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	3/19/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHAM THIỆN TRĂNG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400597773-2503141819
149	MG-TAN inj.	Acid aminu + glucose + lipid (*)	11,3% + 11% + 20% 1680ml	VN-21331-18	Tiền tuyến bệnh m...	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 2	Hộp 5 túi 1680ml	MG Co., Ltd	Hàn Quốc	Túi	1.032.500	50	51.625.000	1.032.500	IB2400499923-00	Sở Y tế Đồng Nai	2/27/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHAM SALUD	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT, 266/QĐ-SYT
150	Hepagold	Acid aminu cho bệnh nhân suy gan (L- Isoleucine + L- Isoleucine + L- Lysine + L- Methionin + L- Phenylalanine + L- Threonine + L- Tryptophan + L- Valine + L- Alanine + L- Arginine + L- Histidine + L- Proline + L- Ser...	8%, 500ml (4,5g + 5,5g + 3,05g + 0,5g + 0,5g + 2,25g + 0,33g + 4,2g + 3,85g + 1,2g + 4g + 2,5g + 4,5g + 0,07g) 500ml	VN-21298-18	Tiền tuyến	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 2	Thuồng carton chứa 10 túi 500ml	JV Life Science Corporation	Hàn Quốc	Túi 500ml	132.400	20	2.648.000	132.400	IB2400355774-00	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	12/22/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHAM OUDOC TE-UK PHARMA	Đầu thầu rộng rãi	6032/QĐ-VĐ
151	Hepagold	Acid aminu cho bệnh nhân suy gan (L- Isoleucine + L- Isoleucine + L- Lysine + L- Methionin + L- Phenylalanine + L- Threonine + L- Tryptophan + L- Valine + L- Alanine + L- Arginine + L- Histidine + L- Proline + L- Ser...	8%, 500ml (4,5g + 5,5g + 3,05g + 0,5g + 0,5g + 2,25g + 0,33g + 4,2g + 3,85g + 1,2g + 4g + 2,5g + 4,5g + 0,07g) 500ml	VN-21298-18	Tiền tuyến	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 2	Thuồng carton chứa 10 túi 250ml	JV Life Science Corporation	Hàn Quốc	Túi 250ml	98.000	20	1.960.000	98.000	IB2400377684-00	Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh	12/20/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHAM TRUNG ƯƠNG (CPC)	Đầu thầu rộng rãi	548/QĐ-BVQĐY
152	Ag-ViaC	Acid ascorbic	500 mg	VD-24705-16	Lỏng	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agnopharma	Việt Nam	Viên	245	1.000	245.000	245	IB2400427041-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HỒC MÓN	2/4/2025	CÔNG TY CP DUỐC PHAM ANIMEXPHARM	Đầu thầu rộng rãi	105/QĐ-BVHM
153	Betasalic	Acid salicylic; Betamethason dipropionat	(3% (w/w) + 0,004% (w/w)) - 10g	VD-30028-18	Dạng ngoại	Mô bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 10 gam	CT CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp 10g	13.986	50	699.300	13.986	IB2400597773-00	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	3/19/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MẠI DUỐC PHAM HONG BIC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400597773-2503141819
154	Transamin Injection	Acid Transaminic	220mg/5ml	VN-21605-18	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 2	Hộp 10 ống 5ml	Onk (Thailand) Ltd	Thái Lan	Ống	15.450	100	1.545.000	15.450	IB2500014133-00	Bộ Tư Binh Cảnh sát cơ động	4/3/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHAM XUYEN HOA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500014133-2503040922
155	Amecrin	Ascetin	40mg	VD-35093-21	Lỏng	Viên nén bao luan trong ruột	Nhóm 4	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty CP Dược VTTT Hà Nam	Việt Nam	Viên	5.960	1.200	7.152.000	5.960	IB2400420806-01	Bệnh viện Đa học Y Dược	1/8/2025	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DUỐC PHAM THÀNH ĐC	Đầu thầu rộng rãi	13/QĐ-BVĐHYD

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số ĐKLM, số GP/NK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trình bày hoặc đơn phân gia làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trị ứng thanh	Mã TRMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu ứng thanh	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
156	Amino XL	Alamine, Serine, Glycine, Threonine, Phenylalanine, Glutamine, Leucine, Valine, Lysine, 21mg, 35mg, 21mg, 28mg, 35mg, 140mg, 60,2mg, 42mg, 43,95mg, 54,95mg, Tyrosine, 43,4mg, Isolucine, 37,45mg, Cystein, 35mg, 7mg, hydrochloride, 28mg, 112mg, Histidine hydrochloride, Proline		9901001360 23	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 3 vi x 10 viên	Contract Manufacturing and Packaging Services P/Ltd	Úc	Viên	20.100	600	12.060.000	20.100	IB2500013280-01	Bệnh viện Hòa Nghĩa Việt Đức	3/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BẮCCE LINH	Dầu thầu rộng rãi	K02500013280-2503251558
157	SAVI Albenbazol 200	Albenbazol	200mg	VD-24850-16	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 1 vi x 2 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI	Việt Nam	Viên	1.960	500	980.000	1.960	IB240043563-00	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	2/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	Dầu thầu rộng rãi	77/QĐ-BVLT.YT
158	Albumin	Albumin	20%/50ml	8704100360 23	Tiền truyền	Dạng dịch tiền truyền	Nhóm 1	Hộp 01 lọ x 50ml	Sanguii Plasma Product B.V	Hà Lan	Lọ 50ml	910.000	20	18.200.000	910.000	IB2500016326-00	Bệnh viện Đa khoa Đồng Đa	3/4/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ-UK PHARMA	Dầu thầu rộng rãi	K02500016326-2504031049
159	Plebsamin 20%	Albumin người	10g/50ml	QJ.SP-0750-13	Tiền truyền tĩnh mạch	Dạng dịch tiền truyền	Nhóm 1	Hộp 1 túi nhũn GALAXY x 50ml	Baxter US Inc	Hoa Kỳ	Túi	892.000	100	89.200.000	892.000	IB2400343489-00	Bệnh Viện Quân Y 105	13/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAVICO	Dầu thầu rộng rãi	543/QĐ-BVQY
160	Yumangel F	Alimigite	1,5g/15ml	VN-109209-15	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 2	Hộp 20 gói x 15ml	Yuhan Corporation	Hàn Quốc	Gói	6.150	3.000	18.450.000	6.150	IB2400508632-02	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân khu 7	31/4/2025	CÔNG TY TNHH DAI BẮC - MIỀN NAM	Dầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4
161	Yumangel	Alimigite	1g/15ml	VN-17995-14	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 2	Hộp 20 gói x 15ml	Yuhan Corporation	Hàn Quốc	Gói	4.410	1.000	4.410.000	4.410	IB2400508632-02	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân khu 7	31/4/2025	CÔNG TY TNHH DAI BẮC - MIỀN NAM	Dầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4
162	Karyopin	Alpha Chymotrypsin	4200IU	VD-18964-13 (893110347723)	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Kimch Hoa	Việt Nam	Viên	179	5.000	895.000	179	IB2400509906-00	Bệnh Viện Mũi Huế	21/02/2025	PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MÃNH TỶ - VIỆT MỸ	Dầu thầu rộng rãi	176/QĐ-BVNH
163	Simenic	Alverin dicitat + simethicon	40mg+100mg	VD-23953-15	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 3 vi x 10 viên	USA-NIC	Việt Nam	Viên	4.980	600	2.988.000	4.980	IB2400321083-00	BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y MIỀN ĐÔNG	11/13/2024	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA	Dầu thầu rộng rãi	1174
164	Ambiccol 15mg/5ml syrup	Ambiccol hydrochloride	15mg/5ml, 100ml	VN-20667-17	Uống	Siro	Nhóm 1	Hộp 1 chai 100ml	Sopharma	Bulgari	Lọ 100ml	56.500	50	2.825.000	56.500	IB2400274914-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH	12/5/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DNT VIỆT NAM	Dầu thầu rộng rãi	2814/QĐ-BYT: 296/QĐ-BYT
165	Ambicoline STELLA 5 mg	Ambicopin (Ambicopin besylat)	5mg	8931103900 23	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 10 vi x 10 viên	Công Ty TNHH Liên Doanh Scelopharin - Cui nhinh 1	Việt Nam	Viên	1.000	5.000	5.000.000	1.000	IB2400148565-00	Học viện Quân y	7/18/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRANG VINH	Dầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY
166	Austin	Ammonium Chloride + Chlorpheniramine Maleate + Dexamethasone (HBE + Glycerol + Quinine) + Sodium citrate (Triethanol Citrate Dihydrate)	50mg + 1mg + 10mg + 133mg	VD-23415-15	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 25 vi x 4 viên	United International Pharma	Việt Nam	Viên	1.110	5.000	5.550.000	1.110	IB2400412537-00	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	12/20/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Dầu thầu rộng rãi	3404/QĐ-BV
167	Pharmex INP 500mg	Amoxicillin	500mg	8931103960 24	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 10 vi x 10 viên	Chin nhinh Công ty Cổ phần Dược phẩm Incepharm - Nhì nhữnh Kịch nhữnh Công nhữnh cao Vinh Lộc	Việt Nam	Viên	2.400	5.000	12.000.000	2.400	IB2400357979-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĂN LAM	Dầu thầu rộng rãi	K025000352906-2503061656
168	Fabumox 500	Amoxicillin	500mg	VD-25792-16	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 3	Hộp 5 vi x 12 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Long Hưng 1 - Phanbo	Việt Nam	Viên	1.550	1.500	2.325.000	1.550	IB2400458557-00	Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình	1/7/2025	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Y TẾ NINH BÌNH	Dầu thầu rộng rãi	19/QĐ-BVSN

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số DKLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trưng thầu	Mã TBM.T	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
169	Ila-Merlin 1000mg/62,5mg	Amoxicillin (dạng dạng Amoxicillin trihydrat) 1000 mg, Acid Clavulanic (dạng dạng Kahi clavulanat + clavulone vi tinh thể tỷ lệ 1:1) 62,5 mg	1000 mg, 62,5 mg	VD-28065-17	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharmaco	Việt Nam	Viên	16.000	1.400	22.400.000	16.000	IB2400544691-00	Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận	27/5/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DUỐC PHẨM MINH TIN	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400544691_2502251521
170	Amoxicillin 500mg	Amoxicillin (dạng dạng Amoxicillin trihydrat)	500mg	VD-20020-13	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Hòa - Dược phẩm Mikophar	Việt Nam	Viên	750	2.500	1.875.000	750	IB2400939442-00	Bệnh viện Đa Khoa Điện Biên	11/21/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN HOA - DUỐC PHẨM MIKOPHAR	Đầu thầu rộng rãi	3687/QĐ-BVBD-KD
171	Vegenin 500/125 DT	Amoxicillin (dạng dạng Amoxicillin trihydrat) - Acid clavulanic (dạng dạng Kahi clavulanat + cellulose vi tinh thể tỷ lệ 1:1)	500mg + 125mg	VD-20344-18	Uống	Viên nén phân tán	Nhóm 4	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharmaco	Việt Nam	Viên	8.900	700	6.230.000	8.900	IB2500002118-00	Trung tâm Y tế huyện Thuận Giao, tỉnh Điện Biên	4/4/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM HẢI NAM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500002118_2504041017
172	Betamox plus 400	Amoxicillin + acid clavulanic	(400mg + 57mg)/5ml, 60ml	5601104318 23	Uống	Dạng pha bột dịch uống	Nhóm 1	Chai 60ml	Laboratoire Atel, S.A	Bồ Đào Nha	Lọ	205.000	50	10.250.000	205.000	IB2400611398-00	Bệnh viện Nhi Hải Dương	1/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DNT VIỆT NAM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400611398_2501211650
173	Haginex 250	Amoxicillin	250mg	VD-24013-15	Uống	Thuốc bột phân tán dịch uống	Nhóm 4	Hộp 24 gói x 1,5g	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Gói	1.386	1.200	1.663.200	1.386	IB2400260966-00	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình	9/19/2024	TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUỐC PHẨM HỒNG LAN	Đầu thầu rộng rãi	2769/QĐ-BCH
174	Mezupulol	Atenolol + morpholin hoạt hóa + magesi cacbonat + nhôm hydroxyd	2,5g + 0,3g + 0,2g	VD-19362-13	Uống	Thuốc bột phân tán dịch uống	Nhóm 4	Hộp 30 gói x 3,3g	Công ty cổ phần dược phẩm T&T Việt	Việt Nam	Gói	1.785	3.000	5.355.000	1.785	IB2400357313-00	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai	1/14/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM STABLED	Đầu thầu rộng rãi	24/QĐ-BVSN
175	Swazi 500	Azithromycin (dạng dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	VN-21192-22	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 1 vỉ x 3 viên	Ind-Swiss Limited	Ấu Độ	Viên	35.500	60	2.130.000	35.500	IB2300387974-00	BỆNH VIỆN QUÂN Y 109	11/4/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIMED	Đầu thầu rộng rãi	411/QĐ-BV
176	Neuribin	Benfotiamine	150mg	VD-35787-22	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty dược phẩm và thương mại Pharmag Dong (TNHH)	Việt Nam	Viên	7.180	1.500	10.770.000	7.180	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SEN VIỆT NAM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2300552906_2503061656
177	Berberin	Berberin clorid	100mg	VD-10319-13	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược-Trung thất bị y tế Bình Định (BidiPhar)	Việt Nam	Viên	525	5.000	2.625.000	525	IB2400416530-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	1/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRĂNG THIẾT 3I Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR)	Đầu thầu rộng rãi	40/QĐ-BVĐK
178	Betasec 16mg	Betahistin	16mg	VN-17206-13	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	Viên	3.496	1.200	4.195.200	3.496	IB24001145565-00	Học viện Quân y	7/18/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRĂNG VINH	Đầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY
179	Daleston-D	Betamethason + dexamethason in alcohol	(3,35mg + 30mg)/75ml	VD-34256-20	Uống	Siro	Nhóm 4	Hộp 01 chai 75ml	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam	Lọ	31.500	50	1.575.000	31.500	IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI BẮC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500048246_2504112246
180	Betamethason dipropionat	Betamethason dipropionat	10,2mg/50g - 30g	VD-28278-17	Dùng ngoài	Gel bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 ống 30 gram	Công ty cổ phần LD dược phẩm Mediphaco -creamed BR	Việt Nam	Tiếp 30g	31.500	20	630.000	31.500	IB2400597773-00	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	3/19/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM HỒNG DŨC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400597773_2503141819

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số DCLH, số GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trưng thầu	Mã TBMF	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
181	Shingonp Genz-zone	Benadiazon dipropionat + Clofenazot + Gentamicin	6,4mg + 100mg + 10mg	8931103968 23	Dùng ngoài	Kem bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 ống x 10 gram	Công ty TNHH Dược phẩm Shingonp Dawoo	Việt Nam	Tuýp	15.750	200	3.150.000	15.750	IB2500011844-00	Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động	5/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM XUÂN HOÀ	Đầu thầu rộng rãi	K02500011844-2503051327
182	Aludra-beta	Benadiazon natri phosphate + Neomycin (dạng dung dịch) + Neomycin sulfat	(15mg/15ml + 52.500 IU/15 ml), 30ml	VD-33986-20	30t mũi	Dung dịch thuốc xịt mũi	Nhóm 4	Hộp 1 lọ xịt 30 ml	Công Ty Cổ Phần Dược Khoa	Việt Nam	Lọ 30ml	84.000	20	1.680.000	84.000	IB2400434688-00	Bệnh viện 19-8, Bộ Công an	2/5/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QDU	Đầu thầu rộng rãi	274/QĐ-BV19-8
183	Meyzeren SR	Benadiazon + deschlorpheniramin	(0,25mg/2mg x) 20ml	VD-34423-20	Uống	Dạng dịch uống	Nhóm 4	Hộp 20 ống x 5ml	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Ông 5ml	5.000	200	1.000.000	5.000	IB2500000284-00	Sở y tế tỉnh Hải Dương	4/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	Đầu thầu rộng rãi	K02500000284-2503041555
184	Domizol	Bột hạt Malva + Xanh methylen + Camphor monohydrat	250mg + 25mg + 20mg	VD-22627-13	Uống	Viên nén bao đường	Nhóm 4	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Danesco	Việt Nam	Viên	2.778	1.000	2.778.000	2.778	IB2500015877-00	Bệnh viện Quận 12	3/19/2025	CÔNG TY CE XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	Đầu thầu rộng rãi	K02500015877-2503191647
185	Budajon Srup 7,5mg/5ml	Butenazet etrat	(7,5mg/5ml) 200ml	VN-22971-21	Uống	Siro	Nhóm 1	Hộp 1 chai x 200ml	Audem Hidas S.A	Hy Lạp	Lọ 200ml	114.500	20	2.290.000	114.500	IB2400442347-01	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM	3/25/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC TÂY DƯƠNG	Đầu thầu rộng rãi	944/QĐ-BV
186	Obikton	Calci (dạng: dạng calci lactat pentahydrat); Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin D3; Vitamin E; Vitamin PP; Vitamin B5; Lysin HCl	(65 mg + 1,5 mg + 1,75 mg + 3,0 mg + 200 IU + 7,5 IU + 10 mg + 5 mg + 150 mg)/7,5ml	VD-28521-17	Uống	Siro	Nhóm 4	Hộp 20 ống x 7,5 ml siro	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ông	12.400	400	4.960.000	12.400	IB2500060175-01	Bệnh viện Nhi Hà Dương	1/4/2025	Công ty Cổ phần Nhu Khoa Việt Nam	Đầu thầu rộng rãi	K02500060175-2504010921
187	PM NextG Cal	Calci (dạng: dạng Hydrxyapatite microcrystalline) + Phospho (dạng: dạng Hydrxyapatite microcrystalline) + Vitamin D3 (dạng: dạng Dry vitamin D3 type 100 CWS) + Vitamin K1 (dạng: dạng Dry Vitamin K1 5% ...)	120mg + 55mg + 2mg + 8mg	9301007836 24	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 5 vỉ x 12 Viên	Probiotec Pharma Pte., Ltd.	Úc	Viên	5.250	3.000	15.750.000	5.250	IB2400550487-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	6/3/2025	CÔNG TY TNHH PHÂN TẬP MẠI VÀ DƯỢC PHẨM KIM LOẠI	Đầu thầu rộng rãi	K02400550487-2503061429
188	Hỗ nước	Calci carbonate + Kẽm oxyd	(3,4g + 3,4 g)/20g	VD-32124-19	Dùng Ngủ	Hỗn dịch dùng ngoài	Nhóm 4	Lọ nhựa 20g	Công ty cổ phần hoá dược Việt Nam.	Việt Nam	Lọ	5.999	200	1.199.800	5.999	IB2400412337-00	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	12/20/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM KIM LOẠI	Đầu thầu rộng rãi	3404/QĐ-BV
189	A.T Calci plus	Calci gluconat + Calci gluconat	(700mg+300 mg)/10ml	89311001009 24	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Hộp 30 ống x 10ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ông	5.060	900	4.554.000	5.060	IB2400322322-00	BỆNH VIỆN QUẬN DÂN Y MIỀN ĐÔNG	11/13/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN Y HỌC QUỐC TẾ	Đầu thầu rộng rãi	3/22/1903
190	Epsya	carbenat, Sodium alginate, Sodium Bicarbonat	(w/v):10ml; 5% (w/v):10ml; 2,67% (w/v):10ml	VD-32232-19	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Hộp 20 gói x 10ml	Công ty cổ phần tập đoàn Mierap	Việt Nam	Gói	4.000	1.000	4.000.000	4.000	IB2400589247-00	Bệnh viện Phẫu Khoa Di Sản Trung ương Q.06ml Láp	3/24/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MIRAAP	Đầu thầu rộng rãi	K02400589247-2503180835
191	Dicarbto Tablet	Calcium citrat 750mg, Cholecalciferol 4mg	750mg + 4mg	8801101359 24 (VN-17560-13)	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Kolmar Korea	Hàn Quốc	Viên	4.749	2.000	9.498.000	4.749	IB2400327449-00	BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HINH	11/22/2024	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM HOÀNG TRẦN	Đầu thầu rộng rãi	1252/QĐ-BVCTCH

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số ĐK/LH, số GPKK	Dạng dùng	Dạng bao bì	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trình đầu hoặc đơn phân giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trình đầu	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định/trình	Nhà thầu trình đầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
192	Calcium-Nic Plus	Calcium gluconate + Acid ascorbic + Nicotinamide	1100mg; 100mg; 50mg; (10ml)	VD-20469-18 (893110078 000)	Uống	Dạng dịch uống	Nhóm 4	Hộp 20 ống x 10ml	Công ty TNHH DP USA - NIC	Việt Nam	Ông	8.900	600	5.340.000	8.900	IB2400422020-01	Bệnh viện Nhi Thái Bình	12/27/2024	CÔNG TY TNHH CT THUỐC TRINH	Đầu thầu rộng rãi	2179/QĐ-BVN
193	Hepazyn	Cao Cardus marianus (tương đương 140mg Silymarin, 60mg Silybin, 200mg; Thiamin nitrate 4mg; Pyridoxin hydrochlorid 4mg; Nicotinamide 12mg; Calcium pantothenate 8mg; Calcium cyanocobalamin 1,2mg	Cao Cardus marianus (tương đương 140mg Silymarin, 60mg Silybin, 200mg; Thiamin nitrate 4mg; Pyridoxin hydrochlorid 4mg; Nicotinamide 12mg; Calcium pantothenate 8mg; Calcium cyanocobalamin 1,2mg	VN-22078-19	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	DongBung Future Tech & Life Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	9.500	2.000	19.000.000	9.500	IB2400450268-01	Bệnh viện Khoa TMH TW	3/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM UPI	Đầu thầu rộng rãi	229/QĐ-Khoa TMH
194	Hepaqueen gold	Cao khô Cardus marianus (tương đương với Silymarin 140mg)	250mg	VD-26337-17	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược Trung ương Melpharmex	Việt Nam	Viên	3.450	1.500	5.175.000	3.450	IB2300030352-00	Trung tâm Y tế huyện Phú Lương	6/3/2025	CÔNG TY TNHH TMĐV NGUYỄN GIÀ	Đầu thầu rộng rãi	K02500030352-2503061504
195	Cephalexin 500mg	Cefalexin	500mg	8931104241-24 (VD-18300-13)	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 3	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imecpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	2.750	2.000	5.500.000	2.750	IB2400569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NANG	Đầu thầu rộng rãi	K02400569074-2504150719
196	MEBINIR 125mg/5ml	Cefdinir 125mg	125mg	8931102316-24	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Nhóm 4	Hộp 01 chai x 100ml	Công ty CPDP và Sinh Học Y Tế	Việt Nam	Chai 100ml	131.974	50	6.598.700	131.974	IB2400436231-00	BỆNH VIỆN NHI ĐÔNG THÀNH PHỐ	2/18/2025	CÔNG TY TNHH TMĐV NGUYỄN GIÀ	Đầu thầu rộng rãi	147/QĐ-BVNĐTP
197	Orelio	Cefixim	200mg	8931100728-24	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 3	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pham	Việt Nam	Viên	1.300	2.000	2.600.000	1.300	IB2400515093-00	BỆNH VIỆN Khoa Ung bướu THANH PHỐ CẦN THƠ	2/28/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV PHARM	Đầu thầu rộng rãi	116/QĐ-BVUB
198	Imacine 100	Cefdin	100mg	VD-30398-18	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Nhóm 2	Hộp 12 gói x 2g	Công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM	Việt Nam	Gói	6.825	1.200	8.190.000	6.825	IB2400559704-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU THANH	4/17/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM IMEXPHARM	Đầu thầu rộng rãi	K02400559704-2504110801
199	Effixent	Cefixime	200mg	VN-22366-21	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 10 viên	S.C. Antibiotic S.A.	Rumania	Viên	23.500	500	11.750.000	23.500	IB2400592571-00	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4/17/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆU ANH	Đầu thầu rộng rãi	K02400592571-2504141413
200	PRICEFIL	Cefprozil	250mg/5ml; 30ml	VN-18238-14	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Nhóm 1	Hộp 1 chai hỗn dịch uống 30 ml	Vianex S.A- Nhà máy D	Hy Lạp	Lọ 30ml	178.500	20	3.570.000	178.500	IB2400592571-00	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4/17/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆU ANH	Đầu thầu rộng rãi	K02400592571-2504141413
201	Cefuroxim 500	Cefuroxim (dạng Acetil)	500mg	VD-27836-17 (893110232 123)	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 3	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Cito Long	Việt Nam	Viên	2.166	2.000	4.332.000	2.166	IB2400508632-02	Bệnh viện Quân y 4, Cơ Hòa cầu - KS Thái, Quân khu 7	3/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HỒNG LÂN	Đầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4
202	Cefuroxim 500mg	Cefuroxim (dạng Acetil)	500mg	VD-31978-19	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidiplus	Việt Nam	Viên	3.750	2.000	7.500.000	3.750	IB2400618313-00	Bệnh viện Khoa YHCT Tỉnh Thừa Thiên Huế	4/8/2025	CÔNG TY TNHH HỮU HÂN DƯỢC PHẨM HỒNG LÂN	Đầu thầu rộng rãi	K02400618313-2503040801
203	Medacetine 500mg	Cefuroxim (dạng Acetil)	500mg	VN-22458-20	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Medacetine Ltd.	Síp	Viên	17.400	500	8.700.000	17.400	IB2400569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MÊN NAM	Đầu thầu rộng rãi	K02400569074-2504150719
204	Medacetine 250 mg	Cefuroxim (dạng Acetil)	250mg	VN-22657-20	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Medacetine Ltd.	Síp	Viên	11.200	200	2.240.000	11.200	IB2400489701-00	Bệnh viện Tim Hà Nội	4/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZAS	Đầu thầu rộng rãi	1212/QĐ-BVT

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số ĐK/LH, số GP/KK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trong thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch							
															Giá trong thầu	MA TBMV	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trúng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
205	Cephalexin 500mg	Cephalexin	500mg	8931108239 24 (VD-22534-15)	Uống	Viên nang, uống	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Chi nhành CTCP Dược phẩm Trung ương Vaidipa Bình Dương	Việt Nam	Viên	820	2.000	1.640.000	820	IB2500009184-00	Bệnh viện Công an tỉnh Tuyên Quang	1/23/2025	TRẠCH NHIEM HỮU TÂN THUONG MAI DIUOC PHAM ĐONG BIC34	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500009184-2501231617	
206	Cephalexin PMP 500	Cephalexin (dạng dạng Cephalexin monohydrat)	500mg	VD-249258-16	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Pynopharco	Việt Nam	Viên	1.650	5.000	8.250.000	1.650	IB2400342881-00	Bệnh viện Khoa RNAM Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh	12/10/2024	CÔNG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VUB3	Đầu thầu rộng rãi	1570/QĐ-Khoa RUMTW	
207	Medoral	Chlorhexidine digluconate (dạng viên) Chan 250 ml dung dịch 20%	0,2% (w/v) - Chai 250 ml	VS-4919-15	Súc miệng	Dung dịch dùng ngoài (nước súc miệng)	Nhóm 4	Hộp 1 chai 250ml	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Mearp	Việt Nam	Chai 250ml	90.000	100	9.000.000	90.000	IB2400592571-00	Bệnh viện Hòa Nghĩa Việt Đức	4/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERRAP	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400592571-2504141413	
208	Nbixada	Chlorazotol	100mg	VN-21095-18	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Pabnickis Zaskaby	Poland	Viên	5.900	300	1.770.000	5.900	IB2400288467-00	Bệnh viện Quân y 110	10/23/2024	CÔNG TY TNHH DIUOC PHAM VA TRANG THIET BI Y TE HOANG DIUC	Đầu thầu rộng rãi	609/QĐ-BV	
209	Metocloin	Chloroal (dạng dạng Chloroal natri)	100mg/10ml	VD-25553-16	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Hộp 4 vỉ x 5 ống nhưa x 10ml	Công ty cổ phần dược phẩm CPCT Hà Nội	Việt Nam	Ông 10ml	12.000	1.000	12.000.000	12.000	IB2400556809-00	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tằm dân Quảng Ninh	6/3/2025	CÔNG TY TNHH PHAN DIUOC PHAM CPCT HA NOI	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400556809-2503060912	
210	Genolin	Citicolone (dạng dạng Citicolone sodium)	1g/4ml	R001101805 23	Tiền	Dung dịch tiêm	Nhóm 1	Hộp 5 ống x 4ml	Laboratorio Farmaceutico C.T. S.r.l	Ý	Ông	132.000	100	13.200.000	132.000	IB2400342489-00	Bệnh Viện Quân Y 105	12/13/2024	TRẠCH NHIEM HUU TAN THUONG MAI DIUOC PHAM TRIUONG MINH	Đầu thầu rộng rãi	553/QĐ-BVQY	
211	Neutanol	Cloberasal propionat	0,05%/50g	VD-23820-15	Dùng ngoài	Kem bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 30g	CT CP Doce Medipharco	Việt Nam	Tuýp 30g	31.500	20	630.000	31.500	IB2400540590-00	Bệnh viện Hòa Nghĩa	3/22/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUONG MAI DIUOC PHAM MEDIPHARCO	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400540590-2503215118	
212	Clorfine	Cloberasal propionat	0,5mg/g	VN-22193-19	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Nhóm 2	Hộp 1 tuýp 15g	Kolmar Pharma	Việt Nam	Tuýp	47.985	20	959.700	47.985	IB2400597773-00	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	3/19/2025	CÔNG TY TNHH DIUOC PHAM BA DINH	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400597773-2503141819	
213	B-5ol	Cloberasal Propionat	10g	VD-19833-13	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 10g	Hàn Quốc	Việt Nam	Tuýp 10g	9.400	20	188.000	9.400	IB2400352133-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYEN LONG PHU	11/19/2024	CÔNG TY CP DIUOC PHAM AGIMEXPHARM	Đầu thầu rộng rãi	180/QĐ-TT-YT	
214	Leytin 75mg	Clopidogrel bisulfate	75mg	VN-15810-12	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Laboratorios Levis S.L.	Tây Ban Nha	Viên	12.250	840	10.290.000	12.250	IB2400322322-00	BỆNH VIỆN QUẬN DÂN Y MIỀN ĐÔNG	11/13/2024	CÔNG TY TNHH THUONG MAI DIUOC PHAM NGUYEN GIA	Đầu thầu rộng rãi	3/22/1903	
215	Agidorm	Chlorpheniramin maleat + Paracetamol + Phenylephrin HCl	2mg + 500mg + 5mg	VD-32773-19	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 25 vỉ x 4 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	657	2.000	1.314.000	657	IB2400597773-00	Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	3/19/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUONG MAI Y DIUOC SKT	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400597773-2503141819	
216	Terpin - Codelin HD	Coden phosphat (dạng dạng Coden phosphat hemihydrat); Terpin hydrat.	10mg; 100mg	VD-32105-19	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	1.000	2.500	2.500.000	1.000	IB2400559704-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYEN CHAU THANH	4/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DIUOC PHAM VNH LONG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400559704-2504110801	
217	Terpin codelin 10	Coden phosphat + Terpin hydrat	10mg + 100mg	VD-35730-22	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén; Hộp 8 vỉ x 10 viên BKH	Công ty cổ phần dược phẩm Cui Long	Việt Nam	Viên	780	2.000	1.560.000	780	IB2400569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DIUOC PHAM BENOVAS	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400569074-2504150719	
218	Cochleina Acid 1mg Tablet	Cochleini	1mg	VN-2234-19	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Sed, SA	Tây Ban Nha	Viên	5.450	1.000	5.450.000	5.450	IB2400602920-00	Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phuc hoi chốt nhúng tỉnh Điện Biên	5/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUONG MAI DIUOC PHAM THINH PHUONG TNH	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400602920-2502051537	
219	Dasseila	Desferrioxamin	5mg	VN-22562-20	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 3 vỉ x 10 viên	KERKA, d.d., Novo mcrho	Slovenia	Viên	6.150	600	3.690.000	6.150	IB240042020-01	Bệnh viện Ngu Thái Bình	12/27/2024	DIEN BINH CÔNG TY CỔ PHẦN DIUOC PHAM VA Y TE NAM AU	Đầu thầu rộng rãi	2179/QĐ-BVN	
220	Adrive	Desferrioxamin	0,5mg/ml x 100ml	4831002002 23	Uống	Siro	Nhóm 2	Hộp 1 lọ 100ml	JSC "Farmak"	Ukraine	Chai 60ml	89.000	50	4.450.000	89.000	IB2400446583-00	Bệnh viện Phổi Trung ương	2/24/2025	CÔNG TY TNHH DIUOC PHAM HIEU ANH	Đầu thầu rộng rãi	248/QĐ-BVPTU	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Năng độ, Hàm lượng	Số BK/LH, số GP/NK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng bày hoặc đăng phân giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch							
															Giá trưng bày	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng bày	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
221	Rheofil syrup 2,5mg/5ml	Declonafadin	2,5mg/5ml	7801/1001/9023	Uống	Siro uống	Nhóm 5	Hộp 1 chai 150ml	Laboratorios Rocalcan S.A	Chile	Chai	24.474	50	1.223.700	24.474	IB2400381501-03	Bệnh viện Nhi Hải Dương	12/25/2024	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIBU THY2	Đầu thầu rộng rãi	2006/QĐ-BVN	
222	Regipon	Desogestrel + Ethinylestradiol	0,15mg + 0,02mg	VN-17095-14	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 21 viên	Gedeon Richter Plc.	Pháp	Viên	2.780	1.050	2.919.000	2.780	IB2500037334-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN NGHỆ LỘC	3/25/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500037334-2503250850	
223	Devamethason 0,5mg	Devamethason	0,5mg	VD-27109-17	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 30 viên, chai 150 viên, chai 500 viên	Chai nhựa công ty cổ phần dược phẩm trung ương Việtphá Bình Dương	Việt Nam	Viên	78	300	23.400	78	IB2400101357-01	BỆNH VIỆN NHÂN ÁI	10/7/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC THANH PHÚC	Đầu thầu rộng rãi	224/QĐ-BVNA	
224	Devamethason	Devamethason phosphat (dạng dung dịch nước phosphat)	4mg/ml	8931/10172124 (VD-27152-17)	Tắm	Dung dịch tiêm	Nhóm 4	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Phúc	Việt Nam	Ống	800	500	400.000	800	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM VINH PHÚC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656	
225	Dextromethorphan 15	Dextromethorphan n HBr	15mg	VD-31989-19	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV, Pharm	Việt Nam	Viên	140	2.500	350.000	140	IB2300390882-00	Bệnh viện Quân 12	12/6/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM TV PHARM	Đầu thầu rộng rãi	1334/QĐ-BV	
226	Dextromethorphan	Dextromethorphan an hydroclorid	30mg	VD-24219-16	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Kinach Hòa	Việt Nam	Viên	290	2.500	725.000	290	IB240054297-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LONG AN	4/11/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM THANH HÒA	Đầu thầu rộng rãi	2047/QĐ-BVDKLA	
227	Anusin	Dextromethorphan an HBr + Clopheniramin maleat + Trisodium citrat dihydrat + Aminoaceton aldehyd + Glycerol Glucosid	5mg + 1,33mg + 133mg + 50mg + 50mg	VD-24046-15	Uống	Siro	Nhóm 4	Hộp 1 chai 60ml	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Lọ	22.000	100	2.300.000	23.000	IB23400513057-00	BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI	1/2/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẠM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	01/QĐ-BV/NHN	
228	Thước nước D.E.P 17ml	Diethylphenilamin	20ml	V5-4971-16	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Nhóm 4	Lọ 17ml	Công ty Hòa Dược Việt Nam	Việt Nam	Lọ 17ml	4.700	100	470.000	4.700	IB2400343489-00	Bệnh viện Quân Y 105	12/13/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẠM XUAN HOA	Đầu thầu rộng rãi	553/QĐ-BVQY	
229	DigestonQualy	Digoxin	0,25mg	VD-31550-19	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Công ty CP dược phẩm 3/2	Việt Nam	Viên	918	1.500	1.377.000	918	IB2500018796-00	Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thành	3/14/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẠM VĨNH PHA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500018796-2503141630	
230	Dimenhydrinat	Dimenhydrinat	50mg	VD-28971-18 (8931/00287-223)	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Kinach Hòa	Việt Nam	Viên	290	2.000	580.000	290	IB2400482685-00	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ GÒ CÔNG	2/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM KENH-HÒA	Đầu thầu rộng rãi	43/QĐ-TT/TC	
231	Grafort	Dioctalsidral smectic (Dioctetic)	3g	VN-18887-15 (8801/00006-823)	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 2	Hộp 20 gói x 20ml	Daevon Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Gói	8.000	200	1.600.000	8.000	IB2400588632-02	Bệnh viện Quân y 4, Cục Hậu cần - K9 thuộc, Quân khu 7	3/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM VIỆT THÁI	Đầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4	
232	Cucl	Domperidon	1mg/ml, 200ml	VN-22966-21	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 1	Hộp 1 chai 120ml	FARMALABOR-PRODUTOS FARMACEUTICOS, S.A.	Bồ Đào Nha	Chai	175.000	30	5.250.000	175.000	IB2400570295-00	BỆNH VIỆN QUẬN Y 288/CỤC HẬU CẦN/QUẬN KIỀU 4	3/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DƯỢC PHẠM MINH LONG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400570295-2503141535	
233	Basellim 100mg	Doxycyclin (dạng dung dịch hydro)	100mg	89361/0333524 (GC-310-18)	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	MEDOCHEMIE	Síp	Viên	1.890	500	945.000	1.890	IB2500015877-00	Bệnh viện Quân 12	3/19/2025	CÔNG TY TNHH TRẠCH NHIỆM HỮU HÂN DƯỢC TIE NAM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500015877-2503191647	
234	No-pa	Deacoverin	40mg	VD-34026-20	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	Việt Nam	Viên	914	7.500	6.855.000	914	IB2500011844-00	Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động	5/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẠM XUAN HOA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500011844-2503051327	
235	Emasent 40mg gastro-resistant capsules	Esomeprazole	40mg	VN-21711-19	Uống	Viên nang màng acid dạ dày	Nhóm 1	Hộp 4 vỉ x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	12.150	840	10.206.000	12.150	IB2400588246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	1/16/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400588246-2501160921	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số ĐKKH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch							
															Giá trưng thầu	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định (trước)	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
226	Japet	Ezetimibe 10mg; Atorvastatin (dạng dạng Atorvastatin calcium trihydrate) 20mg (21,63mg)	10 mg* 20mg	VD-31599-19	uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thái	Việt Nam	Viên	11.500	900	10.350.000	11.500	IB2300387974-00	BỆNH VIỆN QUẬN Y 109	11/4/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH PHÁT	Đầu thầu rộng rãi	411/QĐ-BV	
227	Famogast	Famotidin	40mg	VN-20054-16	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 10 Viên	Pharmaceutical Works Polpharma S. A.	Balin	Viên	3.000	300	900.000	3.000	IB2300356379-00	Trung tâm Y tế huyện Núi Pô	9/1/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHUONG THAO	Đầu thầu rộng rãi	05/QĐ-TT/VT	
228	Penzima	Pencostadin hydrochlorid	30mg/5ml - 60ml	VD-34370-20	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Hộp 1 chai 60ml	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Chai	36.000	30	1.080.000	36.000	IB2300000284-00	Sở Y tế tỉnh Hải Dương	4/3/2025	CÔNG TY TNHH SẢN THUỐC MẠI DƯỢC PHAM HONG DUC	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500000784-2503041555	
239	Ficoo 180	Fexofenadin hydroclorid	180mg	VD-33862-19	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	5.200	900	4.680.000	5.200	IB23400434681-00	Bệnh viện 19-8, Bộ Công an	2/5/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DU DUC	Đầu thầu rộng rãi	274/QĐ-BV/19-8	
240	Difazon 150mg	Fluconazole	150mg	VN-22563-20	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 1 viên	KRKA, D.D., Novo Merio	Slovenia	Viên	23.730	100	2.373.000	23.730	IB2400349549-00	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC	12/2/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM AU	Đầu thầu rộng rãi	478/2024/QĐ-VINMEC	
241	Furosemide STELLA 40 mg	Furosemide	40mg	8931104624-24	Uống	viên nén	Nhóm 2	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanht Steigpharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	450	3.000	1.350.000	450	IB2400570295-00	BỆNH VIỆN QUẬN Y 268/CQC HẦU CÁN/QUẬN KHU 4	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHUONG DUY	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400570295-2503141535	
242	Accacan 80	Ginkgo biloba	80mg	VD-33366-19	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hòa	Việt Nam	Viên	1.260	3.000	3.780.000	1.260	IB2400622455-00	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	3/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NANG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400622455-2503211405	
243	Toburap Softcap	Ginkgo biloba	120mg	VN-19312-15	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	Hộp 10 vỉ x 10 viên	DONGKOO BIO&PHARMA, CO., LTD	Hàn Quốc	Viên	6.700	2.000	13.400.000	6.700	IB2400592571-00	Bệnh viện Hòa Nghĩa Việt Đức	4/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT HUNG	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400592571-2504141413	
244	Gluticin	Ginkgo biloba	17,5mg/5ml	VN-17785-14	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 2	Hộp 10 ống x 5ml dạng dịch tiêm	Suu Guan Chem	Đài Loan	Ống	70.000	100	7.000.000	70.000	IB2400616024-00	Bệnh viện Đa khoa	31/4/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐP ĐINH PHAM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400616024-2503141610	
245	Glidelada 30mg	Glucosazide	30mg	VN-20615-17	Uống	Viên nén phóng xạ	Nhóm 1	Hộp 8 vỉ x 15 Viên	KRKA, D.D., Novo Merio	Slovenia	Viên	2.625	1.200	3.150.000	2.625	IB2400452905-00	Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình	1/13/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUC AU MY	Đầu thầu rộng rãi	39/QĐ-BVKS	
246	Joint-Flex	Glucosamin sulfat kali chlorid (tương đương 295,29mg glucosamin) + Chondroitin sulfat natri (tương đương 315,79mg chondroitin)	500mg (tương đương) + 400mg	VN-15791-12	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 5 vỉ x 12 viên	Probiotec Pharma Pty., Ltd.	Úc	Viên	2.548	3.000	7.644.000	2.548	IB2400608467-00	Trung tâm Y tế thị xã Mường Lay	31/8/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SON HÂN DIỄN BIÊN	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400608467-2503180804	
247	Vitajoint	Glucosamin + Chondroitin sulfate (dưới dạng sun vảy cá mập) + Cao đặc chiết vôi rêu cây Gừng + Cao đặc vỏ trấu cây Hoàng bá	500mg + 400mg	VD-20462-14	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Việt Nam	Viên	5.050	2.000	10.100.000	5.050	IB2400552906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHAM MEZZA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400552906-2503061656	
248	Reduce	Glucosamin + Chondroitin sulphate (dưới dạng sun vảy cá mập) + Cao đặc chiết vôi rêu cây Gừng + Cao đặc vỏ trấu cây Hoàng bá	295mg + 10mg + 40mg + 10mg	VN-18433-14	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 5 vỉ x 12 viên	Probiotec Pharma Pty., Ltd.	Úc	Viên	8.000	1.200	9.600.000	8.000	IB2400459935-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TUYẾN QUANG	1/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHAM VA DUC PHAM KIM LONG	Đầu thầu rộng rãi	03/QĐ-BV/DK	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nhãn đj, Hãn huyệ	Số ĐK/LH, số GPVK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trong thanh toán hoặc đàm phán lần cuối dựa trên cơ sở dự định giá kế hoạch						
															Giá trong thầu	MA TRMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trong thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
249	Glucose 5%	Glucose	5%/ 500ml	VD-2823-17	Tiền ngực	Dạng dịch tiêm ngực	Nhóm 4	Chai nhựa 500ml, Thùng 20 chai nhựa 500ml	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	12.500	50	625.000	12.500	IB240045843H-00	Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Hòa	12/19/2024	CÔNG TY DƯỢC PHAM VA V.A.T TỰ Y TẾ PHUONG ANH	Đầu thầu rộng rãi	479/QĐ-BVĐK
250	Resonac	Glutathion	900mg	8931102094 24 (VD-31951-19)	Tiền	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 4	Hộp 1 lọ Resonac và 1 ống nước cất 10ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương 1 - Pharmaco	Việt Nam	Lọ	134.000	50	6.700.000	134.000	IB2400373933-00	BỆNH VIỆN QUẬN 7 7A	12/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NEOM	Đầu thầu rộng rãi	1828/QĐ-BVQ77A và 1832/QĐ-BVQ77A
251	Glutathion	Glutathion	600mg	8901104233 23	tiêm ngực	Thuốc bột pha tiêm	Nhóm 1	Hộp 10 lọ thuốc bột và 10 ống nước cất pha tiêm	Laboratorio Farmaceutico C.T.S.r.l	Ý	Lọ	164.000	100	16.400.000	164.000	IB2400557999-00	Bệnh viện Phụ Sản Thanh Phố Cầu Thụ	3/17/2025	CÔNG TY TNHH MEDIST PHARMA	Đầu thầu rộng rãi	K02400557999-2503141608
252	Sigipol	Glycerol	2,25g/3g/9g	8931000924 24	Thuốc trực tràng	Gel bôi trực tràng	Nhóm 4	Hộp 6 hộp x 9g	Công ty cổ phần dược Hà Thành	Việt Nam	Tộp	6.930	480	3.326.400	6.930	IB2400588789-00	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	6/22/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CMCI MÀ NOI	Đầu thầu rộng rãi	K02400588789-2502060725
253	Bufoecol 100 Supp	Ibuprofen	100mg/5ml, 5ml	VD-32562-19	Uống	Hãn dịch uống	Nhóm 4	Hộp 20 ống x 5ml	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	Ông 5ml	2.280	200	456.000	2.280	IB2400431541-00	Bệnh viện Bãi Cháy	1/23/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẮC NHA	Đầu thầu rộng rãi	94/QĐ-BVĐC
254	Ibuleit	Ibuprofen	100mg/5ml x 110ml	VN-20978-18	Uống	Hãn dịch uống	Nhóm 5	Hộp 1 chai 110ml	LifePharma PZE	Đubai	Chai 110ml	78.000	50	3.900.000	78.000	IB2400557997-00	Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình	2/19/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM MEZA	Đầu thầu rộng rãi	K02400557997-2502181008
255	Imuned 400	Ibuprofen 400 mg	400mg	VD-20720-14	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	Việt Nam	Viên	645	2.000	1.290.000	645	IB2400552961-00	Bệnh viện Quân Tm Phủ	3/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỀU THUONG UONG 2	Đầu thầu rộng rãi	K02400552961-2503140909
256	Selina M30 (30/70)	Insulina người tẻo, hỗn hợp	400IU	QJSP-0648-13	Tiền	Dạng dịch tiêm	Nhóm 1	Hộp 1 lọ 10ml	Ba lan	Balan	Lọ 10ml	104.000	200	20.800.000	104.000	IB2400602920-00	Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phuc hoi chieu nang tinh Dien Bien	5/2/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM HÀ THANH	Đầu thầu rộng rãi	K02400602920-2502051537
257	Ibocetol tablet	Ibuprofen	150mg	VN-22502-20	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 14 viên	One Pharma Industrial Pharmaceutical S.A	Hý Lạp	Viên	5.559	560	3.113.040	5.559	IB2400459923-00	Sở y tế Đắk Lắk	2/27/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG UONG CPC	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-STT; 266/QĐ-STT
258	SPULIT	Ibuprofen	100mg	VN-19399-16	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 6 vỉ x 5 viên nang cứng	S.C. Silvio Pharm S.R.L.	Romania	Viên	15.000	600	9.000.000	15.000	IB230037155-00	TRƯỜNG TÂM Y TẾ THANH PHỐ BẾN TRE	10/4/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM KHAI BINH	Đầu thầu rộng rãi	110/QĐ-TT-YT
259	Bravigo 5mg	Ivabradin	5mg	5201101854 23	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 04 vỉ x 14 viên	Gempharm S.A.	Greece	Viên	7.050	1.400	9.870.000	7.050	IB2400451058-00	Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang	1/8/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC HOANG LỘC PHAT	Đầu thầu rộng rãi	126/QĐ-BV
260	Kalium Chloricum Biomedica	Kali chlorid	500mg	VN-14110-11	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Biomedica, spol.s.r.o	Séc	Viên	1.800	1.000	1.800.000	1.800	IB2400499923-00	Sở y tế Đắk Lắk	2/27/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM SALUD	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-STT; 266/QĐ-STT
261	Aisyrup zinc	Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfate hexahydrat)	20mg/10ml	VD-31070-18	Uống	Siro	Nhóm 4	Hộp 30 ống x 10 ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ông	9.485	900	8.536.500	9.485	IB2400245231-00	Bệnh viện Sản Nhi Ninh Bình	10/10/2024	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tân Phú	Đầu thầu rộng rãi	1306/QĐ-BVSN
262	Hỗ nước	Kẽm oxyd, Bê-ta-lac	(3g. + 3g)/ 20g	VD-20492-14	Dùng ngoài	Hãn dịch dùng ngoài	Nhóm 4	Lọ 20g	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Lọ 20g	5.000	200	1.000.000	5.000	IB2400145565-00	Học viện Quân y	7/18/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM VINH	Đầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY
263	Ketocozanol	Ketocozanol	200mg/10g	VD-23197-15	Dùng ngoài	Kem bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 hộp/ 10 gam	Công ty cổ phần LD Medipharma-Teamynol BR	Việt Nam	Tộp 10g	4.600	200	920.000	4.600	IB2400293672-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	11/26/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM XIANG HOA	Đầu thầu rộng rãi	1170/QĐ-BYT
264	Nizoral cream	Ketocozanol	10g	VN-21037-18	Dùng ngoài	Kem bôi da	Nhóm 5	Hộp 1 hộp/ 10g	Otic (Thailand) Limited	Thái Lan	Tộp 10g	33.899	50	1.694.950	33.899	IB2509014133-00	Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động	4/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM LẠO CAI	Đầu thầu rộng rãi	K02500014133-2503040922
265	Kiscon 500mg	Lerofloxacin (dạng dùng levofloxacin hemihydrat)	500mg	8401151248 24	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Laboratoire Cinfa, S.A. (Cơ sở đóng gói sơ cấp và thứ cấp: Laboratoire Cinfa, S.A. (Đi cũ: Traracis, 1, 31699 Orléans) (Naxaro, Spain))	Tây Ban Nha	Viên	12.800	280	3.584.000	12.800	IB2400450268-01	Bệnh viện Tai Mũi Họng TW	3/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM V.A Y TẾ NAM AU	Đầu thầu rộng rãi	229/QĐ-TN&H
266	Pangin	L-Ornithin - L-Asparat	500mg	8931107118 24 (VD-23066-15)	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Viên	3.150	1.800	5.670.000	3.150	IB2400262718-00	BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỚI	1/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM VITTELIFE	Đầu thầu rộng rãi	362/QĐ-BVND

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số DKLH, số GPKK	Đường dùng	Dạng bao gói	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch							
															Giá trưng thầu	Mã TMNT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
267	Hiclor	L-Ornithin - L-Aspartat	3g	8801100019 00 (VN- 21957-19)	Uống	Bột pha dung dịch uống	Nhóm 2	Hộp 10 gói x 5g	Korea Pharma Co., Ltd.	Hàn Quốc	Gói	13.480	500	6.740.000	13.480	IB2400439508- 01	Viện Huyết học Truyền máu Trung ương	1/22/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MAI THUỐC PHẠM XANH	Đầu thầu rộng rãi	101/QĐ-HHTM	
268	Povinea	L-Ornithin-L- aspartat	1g/2ml	VD-19951- 13	Tiêm/ Tiêm tĩnh	Dung dịch tiêm	Nhóm 4	Hộp 10 ống 2ml	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharmico	Việt Nam	Ông	30.000	300	9.000.000	30.000	IB2400391620- 00	Bệnh viện Phổi Hải Dương	12/19/2024	CÔNG TY TNHH CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAM	Đầu thầu rộng rãi	609/QĐ-BVP	
269	Oravirin	hydrocodol + Vitamin B1+ Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin E + Vitamin PP + Calcitriol glycerophosphat + Acid glycerophosphoric	40mg+2mg+2 mg+2mg Vitamin PP + 42mg+1mg+5 0mg+50mg	VD-17471- 12	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Công ty cổ phần dược phẩm M&D Sun	Việt Nam	Viên	2.500	1.800	4.500.000	2.500	IB2400622974- 00	Trung tâm Đa khoa	5/7/2025	Công ty Cổ phần dược mẫu và dược phẩm Tân Phú	Đầu thầu rộng rãi	KO2406622974- 2504201559	
270	Apiglet-Plus	Magnesi hydroxyd + natri hydroxyd + Sineclicon	800mg + 800mg + 80mg	VD-33983- 20	Uống	Hỗn dịch uống	NHOM 4	Hộp 30 gói x 10ml	Công ty cổ phần dược Apiglet	Việt Nam	Gói	4.100	900	3.690.000	4.100	IB2500025214- 00	Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh	4/4/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THAI TÚ	Đầu thầu rộng rãi	KO2500025214- 2504021500	
271	Alunox	Magnesium hydroxide, Aluminium hydroxide; Sineclicon	800mg/8mg; 612mg; 80mg	VD-34654- 20	Uống	Hỗn dịch uống	Nhóm 4	Hộp 20 gói x 15g	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	7.700	600	4.620.000	7.700	IB2400379333- 00	BỆNH VIỆN QUẬN Y 7A	12/12/2024	CÔNG TY TNHH THUỐC M&I DƯỢC PHẨM HOANG TRẦN	Đầu thầu rộng rãi	1828/QĐ- BVQ7A và 1853/QĐ- BVQ7A	
272	ITKOSICAM 75mg	Meloxicam	7,5mg	VN-20105- 16	Uống	Viên nén phân tán dễ nhai	Nhóm 1	Hộp 3 vỉ x 10 Viên	Alpec Pharma SA.	Thụy Sĩ	Viên	5.200	900	4.680.000	5.200	IB2400398357- 00	Bệnh viện đa khoa Văn Điển	12/6/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM MEA	Đầu thầu rộng rãi	3280/QĐ- BVĐCVD	
273	Methylprednisolon 16	Methyl prednisolon	16mg	VD-20763- 14	Uống	Viên nén	Nhóm 3	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Kim Anh Hoà	Việt Nam	Viên	825	5.000	4.125.000	825	IB2400413545- 00	Trung tâm Y tế thành phố Tân Đệ	11/25/2024	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Y TẾ NINH BÌNH	Đầu thầu rộng rãi	281/QĐ-TT-YT	
274	Methylprednisolon 4	Methyl prednisolon	4mg	VD-22479- 15	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Kim Anh Hoà	Việt Nam	Viên	250	5.000	1.250.000	250	IB2400580552- 00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	2/26/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	Đầu thầu rộng rãi	KO2400580552- 2502261537	
275	Salonpas	Methyl salicylate; dl- Campher; L- Menthol; Tocopherol acetat	6,29g; 1,24g; 5,71g; 2g	VD-22387- 15	Dùng ngoài	Cao dán	Nhóm 4	Hộp 2 bao x 10 miếng	Công ty TNHH Dược phẩm Hismansa Việt Nam	Việt Nam	Hộp 20 miếng	25.450	100	2.545.000	25.450	IB2400145565- 00	Học viện Quân y	7/18/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM TRĂNG VINH	Đầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY	
276	Thuốc bôi Salopans Gel	Methyl-L- Menthol;	0,3%; 6%,12%,17% ; 2,6%	VD-12687- 10	Dùng ngoài	Gel bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 hộp x 30g	Công ty TNHH Dược phẩm Hismansa Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	36.000	150	5.400.000	36.000	IB2400145565- 00	Học viện Quân y	7/18/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM TRĂNG VINH	Đầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY	
277	Dopegit	Methylolupa	250mg	VN-13124- 11	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	2.400	1.000	2.400.000	2.400	IB2400569074- 00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM VIỆT A	Đầu thầu rộng rãi	KO2400569074- 2504150719	
278	Vincenid	Meclofenamid HCl	10mg/2ml	VD-21919- 14	Tiêm	Dung dịch tiêm	Nhóm 4	Hộp 10 ống x 2ml	Công ty CPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	1.400	200	280.000	1.400	IB2400409825- 00	Bệnh viện Đa khoa Thị xã Sa Pa	11/13/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ LẠO CAI	Đầu thầu rộng rãi	325/QĐ-BVSP	
279	Metrogyl dentu	Metronidazol	10mg/1g, nhũ 10g	VN-17797- 14	Bôi nha khoa	Gel bôi nha khoa	Nhóm 5	Hộp 1 tuýp 10g	Unique Pharmaceuticals Laboratories (A Div. of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.)	An Độ	Tuýp	25.500	50	1.275.000	25.500	IB2400145565- 00	Học viện Quân y	7/18/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM TRĂNG VINH	Đầu thầu rộng rãi	2785/QĐ-HVQY	
280	Neo-Megena	Metronidazol + neomycin + myrtan	500 mg + 65.000IU + 100.000IU	VD-20651- 14	Dặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Nhóm 4	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm 5/2	Việt Nam	Viên	2.250	500	1.125.000	2.250	IB2400514551- 00	TRUNG TÂM Y TẾ THANH PHỐ BẢO LỘC	2/18/2025	CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐÔNG	Đầu thầu rộng rãi	52/QĐ-TT-YT	
281	Mytein	Metronidazole	500mg	VN-23001- 22	Dặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Nhóm 5	Hộp 2 vỉ x 5 viên	LTD PHARMARIM	Moldova	Viên	11.000	100	1.100.000	11.000	IB2400367002- 00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	12/3/2024	CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐÔNG GIADOPHARI	Đầu thầu rộng rãi	8190/QĐ-BV	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số DCLH, số GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trưng thầu	MA TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định/trưng	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
282	Gentui	Chloramphenicol 1 + Nystatin + Decanaseone acetate	225mg + 100mg + 75mg + 0,5mg	VN-16635-13	Dùng ăn uống	Viên dẹt ăn uống	Nhóm 5	Hộp 2 vỉ x 5 viên	LTD FARMAPRIMA	Moldova	Viên	26.000	200	5.200.000	26.000	IB2400537997-00	Bệnh viện Sơn Nhi Ninh Bình	21/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRICANG LIÊN	Dầu thầu rộng rãi	KQ2400537997-2502181008
283	Ovumix (Viên dẹt ăn uống Ovumix)	Metronidazole + Miconazole nitrate + Neomycin Sulfate + Polymyxin B Sulfate + Gentamycin	300mg + 100mg + 48mg + 4mg + 1mg	VN-16700-13	Dùng ăn uống	Viên dẹt ăn uống	Nhóm 5	Hộp 1 vỉ x 6 viên	Labecatorio Elma Phoenix S.A.	Argentina	Viên	44.000	180	7.920.000	44.000	IB2400532906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN AN PHẢI	Dầu thầu rộng rãi	KQ2400532906-2503061656
284	Neo-Tegran	Metronidazole + Neomycin sulfate + Nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	VN-18967-15	Dùng ăn uống	Viên nén dẹt ăn uống	Nhóm 1	Hộp 1 vỉ x 10 Viên nén dẹt ăn uống	SOPHARTEX	Pháp	Viên	11.880	100	1.188.000	11.880	IB2400569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT BÀ	Dầu thầu rộng rãi	KQ2400569074-2504150719
285	VADKIDY	Miconazole	0.02	VD-35641-22	Dùng ngoài	Gel擦 miệng họng	Nhóm 4	Hộp 01 tuýp 10g	Công ty cổ phần tập đoàn Meryp	Việt Nam	Tuýp 10g	25.000	100	2.500.000	25.000	IB2400535379-00	Bệnh viện Sơn Nhù tỉnh Quảng Ninh	4/15/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN MERAH	Dầu thầu rộng rãi	KQ2400535379-2504150719
286	Misoprostol STELLA 200 mcg	Misoprostol	200mcg	VD-13626-10	Lông	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chu minh 1	Việt Nam	Viên	5.000	3.000	15.000.000	5.000	IB2400535379-00	Bệnh viện Sơn Nhù tỉnh Quảng Ninh	1/14/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG DƯƠNG	Dầu thầu rộng rãi	61/QĐ-BVSN
287	Mepoxy	Mỗi 1 (ml) chứa: Dexamethason (dạng dung dịch), dexamethason natri phosphate, Neomycin (dạng neomycin sulfate), Polymyxin B sulfate	(10mg: 35mg: 100.000IU)/1 (ml)	VD-21973-14 (993110420-024)	Nhỏ Khô mắt, mắt, tai	Dạng dịch nhỏ Khô mắt, mắt, tai	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 10 ml	Công ty cổ phần tập đoàn Meryp	Việt Nam	Lọ 10ml	39.800	150	5.970.000	39.800	IB2500058246-00	Bệnh viện Quận 8	4/18/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TẬP ĐOÀN MERAH	Dầu thầu rộng rãi	KQ2500058246-2504181203
288	Acemec Kids	Mỗi 1g chứa: Acetylsalicylic 200mg	200mg	VD-33070-19	Lông	Thuốc cốm	Nhóm 1	Hộp 30 gói x 1g	Công ty CP dược phẩm Sanofi - Synbiochem Việt Nam	Việt Nam	Gói	2.691	1.500	4.036.500	2.691	IB2400223490-00	Công an tỉnh Sơn La	30/9/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM 3A PHÚC	Dầu thầu rộng rãi	2034/QĐ-CAT-PH10
289	Nephloid	Mỗi 250ml chứa: L-Isolucine 1,4g; L-Leucin 2,2g; L-Alanin (dạng L-Alanin acetate) 1,6g; L-Methionin 2,2g; L-Phenylalanin 2,2g; L-Threonin 1g; L-Tryptophan 0,5g; L-Valin 1,6g; L-Histidin 0,63g	(1,4g + 2,2g + 1,6g + 2,2g + 2,2g + 1g + 0,5g + 1,6g + 0,63g)/250ml	VN-21299-18	Tiền tụy	Dạng dịch tiền tụy	Nhóm 2	Thùng carton chứa 10 túi 250ml	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	Túi	120.000	20	2.400.000	120.000	IB2400409923-00	Sở y tế Đồng Nai	2/27/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ-UK PHARMA	Dầu thầu rộng rãi	139/QĐ-STT-266/QĐ-SYT
290	Xanh methyl 1%	Mỗi chai 15ml chứa: Xanh methyl 150mg	150mg	VD-32106-19	Dùng ngoài	Dạng dịch dùng ngoài	Nhóm 4	Chai 20ml	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Lọ	4.000	100	400.000	4.000	IB2400294158-00	CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MÀ TỰ Y SỐ 1	12/10/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THANH	Dầu thầu rộng rãi	514/QĐ-CST

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nhãng đj, Hạng lương	Số ĐK/LH, số GP/KK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trưng thầu	Mã TMNT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định/trưng	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
291	Maldini	Mỗi gói 1,5g thuốc cốm chứa: Thiamin hydrochlorid 5 mg, Riboflavin 2 mg, Nicotinamid 20 mg, Pyridoxin hydrochlorid 2 mg, Desquimol 3 mg	5mg + 2mg + 20mg + 2mg + 3mg	VD-33647-19	Uống	Thuốc cốm	Nhóm 4	Hộp 25 gói x 1,5g	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Gói	13.800	500	6.900.000	13.800	IB2400592571-00	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4/17/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH PHẤT	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400592571_2504141413
292	Flec enema	Macrobisac natri phosphat + Dibasic natri phosphat (19g + 7g)/118ml x 133ml	VN-21175-18	Thưa báo môn - trực ...	Dạng dịch theo yêu cầu	Nhóm 1	Hộp 1 chai 133ml	C.B. Ther Company Inc.	Mỹ	Lo 133ml	59.000	240	14.160.000	59.000	IB2500048246-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RICHMEID	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500048246_2504112246	
293	Dank-vit junior 4mg	Monelakast (dạng dạng Monelakast natri 4,2mg)	VN-22771-21	Uống	Viên nhai	Nhóm 1	Hộp 2 vi x 14 viên	Dank Pharma GmbH & Co. Kg	Đức	Viên	9.000	560	5.040.000	9.000	IB2400348600-00	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Lào Cai	10/31/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	Đầu thầu rộng rãi	553/QĐ-BVSN	
294	Monelakast Normon 4mg granules	Monelakast (dạng dạng Monelakast natri)	8401102058-23	Uống	Thuốc cốm viên	Nhóm 1	Hộp 28 gói	Liberaoedon Normon, S.A.	Spain	Gói	12.500	1.400	17.500.000	12.500	IB2400513104-00	Bệnh viện Quân 11	1/17/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	Đầu thầu rộng rãi	362/QĐ-BVBNB	
295	Naphazolin 0,05% - Danapha	Naphazolin hydrochlorid	VD-29627-18	Nhỏ mũi	Dạng dịch nhỏ mũi	Nhóm 4	Hộp 50 lọ nhũ x 10 ml	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	Lo 5ml	2.650	200	530.000	2.650	IB2400513104-00	Bệnh viện Quân 11	1/20/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHIA	Đầu thầu rộng rãi	285/QĐ-BV	
296	Atlogene Suspension	Natri alginat (dạng dạng bột sấy khô 425mg) + Natri bicarbonat + Calcium carbonat	8801001921-23	Uống	Huyền dịch uống	Nhóm 2	Hộp 20 Gói x 10ml	GENULONE SCIENCES INC.	Hàn Quốc	Gói	7.392	300	2.217.600	7.392	IB2400434688-00	Bệnh viện 19-9, Bộ Công an	2/5/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM NGỌC THIÊN	Đầu thầu rộng rãi	274/QĐ-BV19-8	
297	Scutimaxi	Natri clorid	VD20498-14	Dùng ngoài	Dạng dịch dùng ngoài	Nhóm 4	Lo 50 ml	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	Chai	16.800	100	1.680.000	16.800	IB2400499635-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TUYẾN QUẢNG	1/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	Đầu thầu rộng rãi	03/QĐ-BVĐK	
298	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	8931100396-23	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 4	Chai nhũ 500ml, dung 20 chai nhũ 500ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidphar.	Việt Nam	Chai 500ml	9.450	50	472.500	9.450	IB2400307591-00	Bệnh viện chuyên khoa 27 tháng 2 tỉnh Sóc Trăng	10/28/2024	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN KAI	Đầu thầu rộng rãi	124/QĐ-BVCK272	
299	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	8931100396-23	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 4	Chai nhũ 250ml, Thùng 30 chai nhũ 250ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidphar.	Việt Nam	Chai 250ml	9.870	50	493.500	9.870	IB2400381151-00	BỆNH VIỆN Khoa Ung bướu ĐA NANG	12/31/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	Đầu thầu rộng rãi	1171/QĐ-BVUBDN	
300	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	8931100396-23	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 4	Chai nhũ 100 ml	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidphar.	Việt Nam	Chai	8.925	50	446.250	8.925	IB2400574735-00	Trung tâm Y tế huyện Thanh Phú	4/16/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400574735_2504141404	
301	Vitel	Natri hyaluronat	0,18% (w/v) - 24 (VD-28355-17)	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 12ml	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merck	Việt Nam	Lo	39.000	100	3.900.000	39.000	IB2400584878-00	Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	6/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400588789_2507060725	
302	Dung dịch A.S.A	Natri salicylat + Aspirin	1,496g + 1,7g VS-4966-16	Dùng ngoài	Dạng dịch	Nhóm 4	Lo 20ml	Công ty Hòa Dược Việt Nam	Việt Nam	Lo	4.200	50	210.000	4.200	IB2500011844-00	Bộ Y tế Cảnh sát cơ động	5/5/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM XUYỀN HÒA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500011844_2503051327	
303	Polygona	Neomycin sulfate+ Polystyren B sulfat+ Nystatin	35.000IU+ 35.000IU+ 100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm để âm đạo	Nhóm 1	Hộp 2 vi x 6 viên	Innoheara Chouy	Pháp	Viên	10.200	960	9.792.000	10.200	IB2400592571-00	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4/17/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC THUẬN GIA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400599445_2504141413	
304	Neomycin	Neomycin sulfate, Decanethason natri phosphat	(34.000 IU + 10 mg)/ 10ml	Dạng dịch nhỏ mắt, m...	Dạng dịch	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 8ml; Hộp 1 lọ 5ml	Công ty CP Dược Nam Định	Việt Nam	Lo	16.500	200	3.300.000	16.500	IB2400234986-00	Bệnh viện Nữ Thái Dương	8/30/2024	CÔNG TY TNHH KINH DOANH DƯỢC THIÊN THANH	Đầu thầu rộng rãi	1491/QĐ-BVN	
305	VitPP	Nicotinamid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Agnoopharm - Nhà máy S.S.DP Amnischheim	Việt Nam	Viên	209	500	104.500	209	IB2400599445-00	Bệnh Viện Phung Đa Khoa Trung ương Quý Hòa	3/19/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGNOEPHARM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400599445_2503190926	
306	Fascepin-10	Nicoflipin	10mg	Uống	Viên nhũ bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Viên	455	3.000	1.365.000	455	IB2400569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY TNHH dược phẩm Gian Nơwen	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400569074_2504150719	

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số DKLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả kiểm tra mẫu hoặc đơn phân gửi làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trị kiểm tra mẫu	Mã TBMAT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định (chính thức)	Nhà thầu trúng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
307	Mamifax 1ij	Nimodipin	10mg; 50ml	VN-22458-19	Tiền	Dạng dịch uống truyền	Nhóm 2	Hộp 1 lo	Dac Hui New Pharm Co., Ltd.	Hàn Quốc	Lo 50ml	449.988	20	8.999.760	449.988	IB2300341883-01	Sở y tế Lạng Sơn	12/4/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THIÊN	Đầu thầu rộng rãi	622/QĐ-BYT
308	NIMOVAC-V	Nimodipino	10mg/50ml (520110005324)	VN-18714-15	Tiền truyền	dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Nhóm 1	Hộp 1 lo 50ml kèm dụng cụ truyền bằng PE	Pharmathien S.A	Hồ Lan	Lo	586.000	20	11.720.000	586.000	IB2400540590-00	Bệnh viện Hữu Nghị	3/22/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHARMCO	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400540590_2303211518
309	Nước oxy già 3%	Nước oxy già	3%/20ml; 50ml	VS-9969-16	Dạng Ngoài	Dạng dịch dùng ngoài	Nhóm 4	Lo 50ml	Công ty Hòa Dược Việt Nam	Việt Nam	Lo 50ml	2.400	100	240.000	2.400	IB2400412537-00	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	12/20/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIM LONG	Đầu thầu rộng rãi	3404/QĐ-BV
310	Kagafine	Onceprazol (Dạng vi hạt bao tan trong nước)	20mg	VD-33461-19	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hoà	Việt Nam	Viên	270	10.000	2.700.000	270	IB2400580552-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	2/26/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400580552_2502261537
311	Tianol	Paracetamol	500mg	VD-25397-16	Uống	viên nén bao phim	Nhóm 3	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Pynepharco	Việt Nam	Viên	290	5.000	1.450.000	290	IB2400312931-00	Bệnh viện Chợ Rẫy	11/25/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHAM HOAN KIEM	Đầu thầu rộng rãi	5824/QĐ-BVCR
312	Hapacol Blue	Paracetamol	500mg	VD-20563-14	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 2	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH MITY Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	354	5.000	1.770.000	354	IB2400121696-00	CƠ SỞ CHĂM NGHIÊN MÃ TUY SƠ 3	6/21/2024	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHAM HOAN KIEM	Đầu thầu rộng rãi	553/QĐ-CS
313	Hapacol 250	Paracetamol	250mg	VD-20558-14	Uống	Thuốc bột	Nhóm 3	Hộp 24 gói x 1,5g thuốc bột rải bột	Công ty TNHH MITY Dược phẩm DHG	Việt Nam	Gói	2.100	240	504.000	2.100	IB24001442249-01	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NGUYỄN TRƯỜNG TIỂU	6/28/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHAM BIFACO	Đầu thầu rộng rãi	132024/QĐ-PKTT
314	Tiffy Syrup	Paracetamol + chlorpheniramin + phenylephrin hydroclorid	1,44g + 24 (VD-28620-17)	8931007191	Uống	Siro	Nhóm 4	Hộp 1 chai x 60ml	Công ty TNHH Thái Nakom Pharma Việt Nam	Việt Nam	Chai	20.700	100	2.070.000	20.700	IB2400602997-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	3/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHAM BIFACO	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400602997_2303141654
315	Coldexmin Flu	Paracetamol + Clopheniramin	325mg + 2mg	VD-24697-16	Uống	Viên nang	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Việt Nam	Viên	360	5.000	1.800.000	360	IB2400142249-01	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA NGUYỄN TRƯỜNG THO	6/28/2024	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHAM XUAN HOA	Đầu thầu rộng rãi	132024/QĐ-PKTT
316	Paracetol Extra	Paracetamol; Caffein	500mg + 65mg	VD-20764-14	Uống	Viên nén	Nhóm 5	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	400	5.000	2.000.000	400	IB2400557999-00	Bệnh viện Phụ Sản Thành Phố Cần Thơ	3/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHAM KHANH HOA	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400557999_2303141608
317	Hapacol Extra	Paracetamol; Caffein	500mg; 65mg	VD-20570-14	Dạng uống	Dạng viên nén	Nhóm 2	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH MITY Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	630	5.000	3.150.000	630	IB2400551342-00	TRUNG ĐOÀN 937, SƯ ĐOÀN 370	12/20/2024	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHAM RANG	Đầu thầu rộng rãi	2998/QĐ-TĐ
318	Ambozerin	Phosphatidylserine	350mg	VD-55540-22	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông (TPHDH)	Việt Nam	Viên	29.600	300	8.880.000	29.600	IB2400324191-00	Bệnh viện Chợ Rẫy	12/13/2024	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHAM MEPIHA	Đầu thầu rộng rãi	7211/QĐ_BVCR
319	Lilectia 800 DT	Pracetam	800mg	VD-33595-19	Uống	Viên hòa tan nhanh	Nhóm 4	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Phasphco	Việt Nam	Viên	4.700	600	2.820.000	4.700	IB2400508632-02	Bệnh viện Quân y 4, Chợ Lớn cũn - K57 quân, Quận Bình 7	3/14/2025	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHAM NIEM TIN	Đầu thầu rộng rãi	236/QĐ-BV4
320	Vahibyte 6%	Poly-(O-2-hydroxyethyl) acetal (HES 1300/4); Natri acetal hydroclorid; Natri clorid; Kala clorid; Magnesi clorid hexahydrat	(30g, 2,315g; 3,01g; 0,15g; 0,15g)/500ml	VN-10956-16	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Nhóm 1	Túi Polyolefine (freelick) 500ml; Túi Polyolefine (freelick) 20 ml	Freemuse Kabi	Đức	Túi 500ml	117.000	10	1.170.000	117.000	IB2400614924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LIÊU TRUNG UONG 2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400614924_23032110950
321	Povidone	Povidon iod	0,1	8931006419-23	Dùng ngoài	DĐ dùng ngoài	Nhóm 4	Chai 50ml	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Antisepticum	Việt Nam	Chai	11.550	1.000	11.550.000	11.550	IB2400473047-00	Trung tâm y tế Quận Sơn Tây	1/2/2025	CÔNG TY CP DỊCH VỤ PHAM AGIMEXPHARM	Đầu thầu rộng rãi	08/QĐ-VTST

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số ĐK/LH, số CPNC	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả tương đương hoặc đàm phán giá làm cơ sở xây dựng giá kế hoạch						
															Giá tương đương	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định trước	Nhà thầu tương đương	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
322	Povidone	Povidone Iodine	10%/30ml	8931009419 23 (VD-17882-12)	Dùng ngoài	DD dùng ngoài	Nhóm 4	Chai 130ml	CN CUY CPDP Agnecpharm - Nha Aynecpharm	Việt Nam	Chai	14.700	1.000	14.700.000	14.700	IB2300203153-00	Bệnh viện Phụ sản-Nhi Đa Vĩnh	31/8/2023	CÔNG TY CP DƯỢC PHAM AGNEMEXHAKM	Đầu thầu rộng rãi	KO2500023153-2503180949
323	Povidone	Povidone Iodine	10%, 20ml	8931009419 23 (VD-17882-12)	Dùng ngoài	DD dùng ngoài	Nhóm 4	Chai 20ml	CN CUY CPDP Agnecpharm - Nha Aynecpharm	Việt Nam	Chai	5.400	1.000	5.400.000	5.400	IB240026271B-00	BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỘI	1/17/2023	CÔNG TY CP DƯỢC PHAM AGNEMEXHAKM	Đầu thầu rộng rãi	362/QĐ-BVBNĐ
324	Pne-Prephalin	Prephalin	75mg	VN-18574-14	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 1	Hộp 4 vi x 15 viên	Pharmaceutics DNC	Canada	Viên	2.888	1.800	5.198.400	2.888	IB2400384509-00	Tung tâm Máu sản lập trung thuốc Quốc gia	2/11/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM ĐỨC ANH	Đầu thầu rộng rãi	31/QĐ-TTMS
325	Promethazin	Promethazin hydrochlorid	2%, 10g	VD-24422-16	Dùng ngoài	Kem bôi da	Nhóm 4	Hộp 1 tuýp 10 gram	Công ty cổ phần LD Dược phẩm Medipharco-Tammyd BR	Việt Nam	Tuýp 10g	6.700	150	1.005.000	6.700	IB24004599923-00	Sở Y tế Đồng Nai	2/27/2023	CÔNG TY CP PHAM DƯỢC MEDIPHARCO	Đầu thầu rộng rãi	139/QĐ-SYT; 266/QĐ-SYT
326	Geltra 20mg Gastro-resistant tablets	Rabeprazole matri	20mg	VN-22069-19	Uống	Viên nén kháng acid dạ dày	Nhóm 1	Hộp 2 vi x 14 viên	KREKA, D.D., Novo mesto,	Slovenia	Viên	7.395	280	2.070.600	7.395	IB2400378429-00	Bệnh viện Tru Hà Việt	1/24/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM BẢO NGÂN	Đầu thầu rộng rãi	383/QĐ-BVT
327	Cataraxatin	Resoraxatin (dạng dùng Resoraxatin calcium)	20mg	VN-22676-20	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 3 vi x 10 viên	S.C. Antibiotec S.A.	Rumania	Viên	8.400	600	5.040.000	8.400	IB240026271B-00	BỆNH VIỆN BỆNH NHIỆT ĐỘI	1/17/2023	CÔNG TY TNHH TRẠCH NHIỆM HUU HAN DƯỢC THU NAM	Đầu thầu rộng rãi	362/QĐ-BVBND
328	Rotundin 30	Rotundin	30mg	8931107036 24 (VD-22913-15)	Uống	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khanh Hòa	Việt Nam	Viên	630	2.000	1.260.000	630	IB2400615465-00	Trung Tâm Y tế Huyện Lạc	4/25/2023	CÔNG TY CP PHAM DƯỢC AVISHAKM	Đầu thầu rộng rãi	KO2406615465-2504210819
329	Rotundin 60	Rotundin	60mg	8931101026 24	Uống	Viên nén	Nhóm 5	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Khanh Hòa	Việt Nam	Viên	620	1.000	620.000	620	IB2400614924-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG DÂN	3/31/2023	CÔNG TY CP PHAM DƯỢC PHAM KHANH HOA	Đầu thầu rộng rãi	KO2406614924-2503310950
330	Rutin-Vitamin C	Rutin; Acid ascorbic	50mg; 50mg	VD-34341-20	Uống	Viên nén bao đường	Nhóm 4	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty Cổ phần Hòa - Dược Phẩm Mecophar	Việt Nam	Viên	265	2.000	530.000	265	IB2400192801-01	BỆNH VIỆN HUYỆN NHA BÈ	9/19/2024	CÔNG TY CP PHAM HÒA-DƯỢC PHAM MEROPHAR	Đầu thầu rộng rãi	632/QĐ-BV
331	Sarzel	Subutanolol (dạng dùng Subutanolol sulfat)	4mg	VN-22767-21	Uống	Viên nén	Nhóm 5	Hộp 10 vi x 10 viên	M/s Windas Biotech Private Limited	An Độ	Viên	700	1.000	700.000	700	IB2500001335-00	Vườn Y học phòng xa và U bướu Quận đội	2/13/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN PHAM AMERIVER VIỆT NAM	Đầu thầu rộng rãi	KO2500001335-2502131824
332	Atisiba	Subutanolol (dạng dùng Subutanolol sulfat)	0,4 mg/ml (0,04%, 30ml)	VD-25647-16	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Chai 30ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai 30ml	14.700	50	735.000	14.700	IB2400374646-00	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	12/25/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM ATIPHARM	Đầu thầu rộng rãi	289/QĐ-BV
333	Ferriure 100mg/5ml	Sắt nguyên tố (dạng dùng Polysaccharide iron complex)	100mg/5ml x 60ml	VN-20682-17	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 1	Hộp 1 bọ 60ml	Laboratories Pharmaceuticus Tender NV/SA	Bỉ	Lọ 60ml	335.900	50	16.795.000	335.900	IB2400549567-00	Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội	3/18/2023	Công ty cổ phần David Health Việt Nam	Đầu thầu rộng rãi	KO2500549567-2503171500
334	Pokemine	Sắt nguyên tố (dạng dùng Sắt (III) Hydroxid Polymaltese Complex)	50mg/10ml	8931005053 24 (VD-31113-18)	Uống	Dung dịch uống	Nhóm 4	Hộp 20 ống x 10 ml	Công ty cổ phần dược phẩm Mè Đa Sơn	Việt Nam	Ống	7.500	600	4.500.000	7.500	IB2500013280-01	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	3/25/2023	CÔNG TY CP PHAM DƯỢC PHAM MEZA	Đầu thầu rộng rãi	KO2500013280-2503231538
335	Sanafer	Sắt nguyên tố (dạng dùng Sắt (III) Hydroxid Polymaltese Complex)	10mg/ml 150ml	8681007870 24	Uống	Sỉ rỏ	Nhóm 2	Hộp 1 chai 150ml	Santa Farna Inc Sengvit Anomim Shiketi	Turkey	Chai	195.000	50	9.750.000	195.000	IB2400550487-00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	6/23/2023	CÔNG TY CP PHAM DƯỢC PHAM Y&A THIẾT BỊ Y TẾ HÀCM LINH	Đầu thầu rộng rãi	KO2400550487-2503061429
336	Phubodarin 140	Silymarin (Bêta diên chất cây kê sữa 280mg)	140mg (Bêta diên chất cây kê sữa 280mg)	VD-34667-20	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 4	Hộp 3 vi x 10 viên (Nhóm-PV/C)	Công ty cổ phần dược phẩm Hưng Long 1 - Phuboo	Việt Nam	Viên	6.000	300	1.800.000	6.000	IB2500060175-01	Bệnh viện Nhi Hải Dương	1/14/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM VIMED	Đầu thầu rộng rãi	KO2500060175-2504010921
337	Somastop	Sucralfat	1g	VD-21600-19	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Nhóm 4	Hộp 30 gói	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	6.000	600	3.600.000	6.000	IB2400234986-00	Bệnh viện Nhi Hải Dương	8/20/2024	Công ty Cổ phần thương mại và dược phẩm Tân Bình	Đầu thầu rộng rãi	1491/QĐ-BVN
338	Trimesoprol 480mg	Sulfamethoxazol 400 mg; Trimethoprim 80 mg	VD-24195-16	Uống	Viên nén	Viên nén	Nhóm 4	Hộp 25 vi x 20 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	350	2.500	875.000	350	IB2400222460-00	Công an tỉnh Sơn La	9/20/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM E&A PHÚC	Đầu thầu rộng rãi	2024/QĐ-CAT-PH10
339	Bupropion 480	Sulfamethoxazol e + Trimethoprim	(400mg + 80mg)	VN-23059-22	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 1 vi x 20 viên		Balan	Viên	2.370	200	514.000	2.370	IB2400499635-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TUYẾN QUẢNG	1/14/2025	CÔNG TY CP PHAM DƯỢC PHAM THIÊN THẢO	Đầu thầu rộng rãi	03/QĐ-BVĐK

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số DCLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bao gói	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá mua căn cứ dự định giá kế hoạch						
															Giá trưng thầu	Mã TBMN	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng thầu	Phình thực hiện chào thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
340	SaVi Teimuran 80	Teimuran	80mg	VD-26258-17	Uống	Viên nén	Nhóm 2	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	795	600	477.000	795	IB2400597773-00	Sở y tế tỉnh Phú Thọ	3/19/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SA VI	Đầu thầu rỗng	K02400597773-220314819
341	Levisel 40	Teimuran	40mg	VN-20430-17	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Laboratorios Levis, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	7.000	560	3.920.000	7.000	IB2400412134-00	Bệnh viện Phổi Thái Bình	1/3/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THIÊN PHƯỚC	Đầu thầu rỗng	01/QĐ-BVP
342	Levisel 80	Teimuran	80mg	VN-20431-17	Uống	Viên nén	Nhóm 1	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Laboratorios Levis, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	7.000	280	2.128.000	7.000	IB2300393887-00	Sở y tế tỉnh Kiên Giang	6/27/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SÁI ĐỎ	Đầu thầu rỗng	1630/QĐ-SYT
343	Bangl exura	Torphanice hydrochloride	10mg/1g x 15g	VN-22464-19	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Nhóm 2	Hộp 1 hộp 15 g	APROGEN PHARMACEUTICAL S. INC	Hàn Quốc	Tộp 15g	79.999	20	1.599.980	79.999	IB2300375541-00	Bệnh viện E	7/6/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THIÊN PHƯỚC	Đầu thầu rỗng	1432/QĐ-BVE
344	Asburyl	Tetralin sulfate 1,5mg/5ml; 6,5mg/5ml	1,5mg/5ml; 6,5mg/5ml	VD-21332-14	Uống	Siro	Nhóm 4	Hộp 1 chai 60ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Chai	69.500	50	3.475.000	69.500	IB240032222-00	BỆNH VIỆN QUẬN DÂN Y MIỀN ĐÔNG	11/13/2024	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ BESTPHARM GROUP	Đầu thầu rỗng	3/22/1903
345	Tetrasela 1%	Tetrasela hydrochlorid	50mg/5g (1% x 5g)	VD-26395-17	Tra mắt	Mỡ tra mắt	Nhóm 4	Hộp 100 hộp	Công ty cổ phần LD được phân phối bởi Medipharco-Teamynid BR	Việt Nam	Tộp	3.885	500	1.942.500	3.885	IB2400617512-00	Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Khương	3/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ LÃO CẠI	Đầu thầu rỗng	K02400617512-2203191512
346	Agre-surin	Thiamine mononitrat + Pyridoxin hydrochlorid + Cyanocobalamin	125mg + 125mg + 125mg	VD-23485-15 (893110201 024)	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Agrepharm	Việt Nam	Viên	336	2.000	672.000	336	IB2400598394-00	BỆNH VIỆN CÔNG AN TỈNH NINH BÌNH	3/24/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BA DINH	Đầu thầu rỗng	K02400598394-2203241716
347	Vitamin B1 250mg	Thiamin nitrat (Vitamin B1)	250mg	VD-30690-18	Uống	Viên nén bao đường	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Hòa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Viên	684	1.000	684.000	684	IB2400495843-00	Bệnh viện Khoa RHM Trung ương Hà Nội	1/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐOÀA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	Đầu thầu rỗng	30/QĐ-BVYRMT/THN
348	NP-Metbick	Thiamine mononitrat 100mg; Pyridoxin hydrochlorid 50mg; 0,5mg; Cyanocobalamin 0,5mg	100mg; 50mg; 0,5mg	VD-34879-20	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Viên	1.140	2.000	2.280.000	1.140	IB2400412705-00	Sở y tế tỉnh Tuyên Quang	12/17/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO TOÀN PHARMA	Đầu thầu rỗng	1607/QĐ-SYT
349	Greenpan	Trimetonolol	80mg	QL-SP-1155-19	Uống	Viên nang cứng	Nhóm 2	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Medica Korea	Hàn Quốc	Viên	6.300	1.200	7.560.000	6.300	IB2400618431-00	Bệnh viện C Thái Nguyên	1/18/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MẠI DƯỢC PHAM TUE GIA	Đầu thầu rỗng	K02400618431-2501180819
350	Boneler 90	Ticagrelor	90mg	8931102325-23	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.970	1.200	3.564.000	2.970	IB2300060533-00	Bệnh viện Quân y 110	3/4/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUONG LUNG PHUC	Đầu thầu rỗng	K02500060533-2504031327
351	Orcoorta	Tramadolol	Mỗi 100g chứa: Tramadolol acetonid 0,1g (0,1) 1g	VD-24653-16	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Nhóm 4	Hộp 50 gói x 1g	Công ty TNHH Thái Nakem Pharma Việt Nam	Việt Nam	Gói 1g	10.000	300	3.000.000	10.000	IB2400422020-01	Bệnh viện Nhi Thái Bình	12/27/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THIÊN PHƯỚC	Đầu thầu rỗng	2179/QĐ-BVN
352	Momipaste	Tramadolol acetonid	5mg	VD-30760-18	Dùng ngoài	Gel bôi niêm mạc miệng	Nhóm 4	Hộp 1 tube 5g	Công ty CP liên doanh được phân phối bởi Medipharco-Teamynid	Việt Nam	Tộp 5g	18.000	50	900.000	18.000	IB2400323347-00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẦN ĐỀ	12/22/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOÀ SEN	Đầu thầu rỗng	161/QĐ-TT/TT
353	Dentherin	Tyrolactin + Benzocaine + Benzalkonium chloride	0,5mg + 1,5mg + 1mg	VN-20293-17	Ngậm	Viên ngậm buong	Nhóm 1	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Medica Arzometical Pulver	Bêr	Viên	2.880	1.000	2.880.000	2.880	IB2400569074-00	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	4/15/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DƯỢC PHẨM DAN THANH	Đầu thầu rỗng	K02400569074-2504150719
354	Ambi-QE	Ubidecarenon; D-alpha-tocopheryl acid succinat	100mg; 12,31mg	VD-35621-22	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 4	Hộp 3 vỉ x 5 vỉ x 10 viên	Công ty dược phẩm và thương mại Pilsung Đông - (TNHH)	Việt Nam	Viên	17.500	300	5.250.000	17.500	IB2400446383-00	Bệnh viện Phổi Trung ương	2/24/2025	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM HOÀNG THỊNH	Đầu thầu rỗng	248/QĐ-BV/TU
355	Ticocort	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	30mg	8931005642-24 (VD-3246-19)	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Phai Inter Pharma	Việt Nam	Viên	4.400	1.000	4.400.000	4.400	IB2300048746-00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	4/14/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ SIV VIỆT NAM	Đầu thầu rỗng	K02500048746-2504112246

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số ĐKTH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch											
															Giá trưng thầu	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22					
356	Valerian 80mg (Tatcha, Valerian 80)	Valerian	80mg	VN-12020-11	Uống	Viên nén bao phim	Nhóm 1	Hộp 4 vỉ x 7 viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	3.680	560	2.060.800	3.680	IB2400454297-00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LONG AN	4/11/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA	Đầu thầu rộng rãi	2047/QĐ-BVĐKLA					
357	Acetrex	Vitamin A; Vitamin D3; Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin PP; Vitamin B6; Vitamin B12; Sắt sulfat, Calcê glycerophosphat; Magescal gluconat; Lysine HCL	3000IU; 500IU; Vitamin B1; Vitamin B2; 3mg; 3mg; 10mg; 3mg; 5mg (tong); 16,5mg; 5mg; 3mg; 25mg	VD-17472-12	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Viên	4.500	2.000	9.000.000	4.500	IB2400446383-00	Bệnh viện Phụ Trung ương	2/24/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LÂM	Đầu thầu rộng rãi	248/QĐ-BVPTU					
358	Bah B.O.N	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	400IU/0,4ml x 12ml	VD-24822-16	Uống	Dạng dịch uống	Nhóm 4	Hộp 1 chai 12ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Lọ	40.000	200	8.000.000	40.000	IB2400352906-00	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	6/3/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN OPTIMAL VIỆT NAM	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400352906-2503061656					
359	Vitamin E 400IU	Vitamin E	400IU	VD-18448-13	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 4	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	500	500	250.000	500	IB2400404560-00	Bệnh viện Mắt	2/3/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	Đầu thầu rộng rãi	140/QĐ-BVNM					
360	Macram	Vitamin E; Vitamin C; Beta caroten; Kẽm oxid; Đồng oxid; Selen; Mangan sulfat	200 IU + 250mg + 9,337mg + 1,252mg + 15µg + 4,613mg	VN-15250-12	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 2	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Medina Korea Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	5.000	1.200	6.000.000	5.000	IB24003589287-00	Bệnh viện Phong Khoa Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	3/24/2025	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nga	Đầu thầu rộng rãi	KQ24003589287-2503180853					
361	Xylometazolin 0,05%	Xylometazolin	0,0005	VD-18682-13	Nhỏ mũi	Dạng dịch nhỏ mũi	Nhóm 4	Hộp 1 lọ 10 ml	CTCP Dược Danapha	Việt Nam	Lọ	2.850	500	1.425.000	2.850	IB24003583398-00	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bảo Thắng	2/21/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-VẬT TƯ Y TẾ LAO CAI	Đầu thầu rộng rãi	KQ24003583398-2502210853					
Tổng cộng: 361 khoản															2.909.218.740											

Phụ lục III

DANH MỤC THUỐC CHẾ PHẨM YHCT ĐỀ NGHỊ MUA SẴM CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN NĂM 2025-2026

(Kèm theo Công văn số 1041 /TYYT-KD ngày 24/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Văn Yên)

ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số ĐK.LH, số GPXK	Đơn vị đang đang	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thảo hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trưng thảo	Mã BHYT	Cơ sở y tế bán hành Quyết định	Ngày ban hành QĐ trưng thảo	Nhà thầu trưng thảo	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Begonic Forte	Cao Islat Asiclo EP + Cao Islat Ran đang đt: 81 + Cao Islat Bim bim (Hàm lượng acid chlorogenic 2 0,9%)	170mg + 120mg + 13,6mg	VD-1979-13	Uống	Viên nang mềm	Nhóm 1	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần Tienphaco	Việt Nam	Viên	1.650	20.000	31.000.000	1.650	BE2500117863- 00	Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Bảo Thắng	4/23/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO	Đầu thầu ông mặt	KQ2500117863_2504 231509
2	Tra găng	Gừng tươi	1,6g	VD-24081-16	Uống	Căn trà	Nhóm 3	Hộp 10 gói x 3 gum	Công ty cổ phần công nghiệp cao Tienphaco	Việt Nam	Gói	1.050	1.000	1.050.000	1.050	BE2500048332- 00	Bệnh viện đa khoa huyện Gia Lâm	3/4/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO	Đầu thầu ông mặt	KQ2500048332_2504 031448
3	Cồn xoa bóp Jama	Ô dáu + Dầu dừa + Dầu mè + Quả nhục + Thiên niên kiện + Tỳ linh + Kê tiên + Hương thảo + Xoài hương + Tể tiên + Metyl salicylat	500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 500mg + 5ml	VD-21001-14	Đang ngươi	Cồn xoa bóp	Nhóm 4	Hộp 1 lọ vỉ 50 ml	Công ty cổ phần công nghiệp cao Tienphaco	Việt Nam	Lọ	18.000	500	9.000.000	18.000	BE2500078962- 00	Trung tâm y tế quân Lạng Sơn	4/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAPHACO	Đầu thầu ông mặt	KQ2500078962_2504 170037
4	Dầu massage mặt	Camphor, Tinh dầu hoa hồng, Tinh dầu quế, Metyl salicylat, Gừng	6,3g, 7,4g, 0,33g, 18,67g, 1,8g	VD-210048-18 (891100706624)	Đang ngươi	Dầu xoa	Nhóm 3	Hộp 1 chai x 62ml	Củi nhàn công ty cổ phần dược phẩm OTC tại Bình Dương - NHA mỹ dược phẩm OTC	Việt Nam	Chai	33.600	100	3.360.000	33.600	BE2400559654- 00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÁU THANH	4/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN OTC	Đầu thầu ông mặt	KQ2400559654_2504 111412
5	Dầu massage mặt	Camphor, Gừng, Rhizoma Zingiberis, Metyl salicylat, Tinh dầu hoa hồng, (Acederolone Menthyl acetate), Tinh dầu quế (Acederolone Citronellol)	Chai 20ml dầu: 2,1g, 0,63g, 6,21g, 2,48g, 0,11g	VD-1656-12	Đang ngươi	Dầu xoa	Nhóm 3	Hộp 1 chai 20ml	Củi nhàn Công ty CP Dược OTC tại Bình Dương - Nha Mỹ DP OTC	Việt Nam	Chai	26.460	100	2.646.000	26.460	BE2400559654- 00	Sở y tế Bình Hòa Thọ	5/2/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN TRUNG CƯỜNG PHU	Đầu thầu ông mặt	KQ2400559654_2503 031953
6	XOANSGRAY	1 lít Islat, Kim ngân hoa, Hoàng đân, Kamphor, Eucalyptol, Camphor	1g, 0,5g, 0,5g, 0,008g, 0,008g, 0,008g	VD-20054-14	Xét Nghi	Đang dịch xét mặt	Nhóm 4	Chai nhàn 20ml	Công ty cổ phần dược Natura Việt Nam	Việt Nam	Chai	40.000	300	12.000.000	40.000	BE2400559654- 00	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÁU THANH	4/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN GONSA	Đầu thầu ông mặt	KQ2400559654_2504 111412
7	Dầu xoa xoa vết	Menthol, Camphor, Tinh dầu Bưởi Hương, Tinh dầu Quế, Tinh dầu Tầm 60%	Menthol, Camphor, Tinh dầu Bưởi hương, Tinh dầu Quế, Tinh dầu Tầm 60%	VD-33289-19	Đang ngươi	Đang dịch đang gửi	Nhóm 3	Hộp 1 lọ x 3 ml	Công ty Cổ phần Dược Dược phẩm	Việt Nam	Lọ	7.940	300	3.970.000	7.940	BE2400469808- 00	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC THỊU CÁN	2/17/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	Đầu thầu ông mặt	52/QĐ-BVĐCKV
8	Dầu massage mặt PPI	Bạch trà, Metyl hương, Hoàng đân, Metyl hương, Tinh dầu Hương thảo, Bạch trà, Sô thơm, Bạch hương, Cam thảo, Đương sâm	Gói 4g: Bạt bột 0,65g, Bạt bột hương 0,35g, Bạt bột 0,42g, Bạt bột 0,25g, Bạt bột 0,54g, Bạt bột 0,35g, Bạt bột 0,35g, Cao ...	VD-25946-16	Uống	Viên nhàn ong	Nhóm 3	Hộp 10 gói x 4g	Công ty TNHH Dược Dược Phẩm Hưng	Việt Nam	Gói	4.200	200	840.000	4.200	BE2500041381- 00	Trung tâm y tế huyện Thanh Thủy	3/24/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẮT TUY TẾ THANH HUY	Đầu thầu ông mặt	KQ2500041381_2503 200853
9	Prospan Cough Syrup	Cao Islat là hương thảo	700mg/100ml	VN-17873-14	Uống	Siro	Nhóm 2	Hộp 1 chai 100ml	Engelhard AMERICAN GENTLE & Co. XO	Dân	Lọ	71.400	200	14.280.000	71.400	BE2400271635- 00	TỔNG CÔNG TY DƯỢC BẮC	11/18/2024	CÔNG TY TRẮNG NHUẬN HUYỀN DƯỢC PHẨM THIÊN NGỌC	Đầu thầu ông mặt	9021/QĐ-ĐB
10	Albucid Syrup	Cao Islat là hương thảo	0,1g/5ml	VN-20178-16	Uống	Siro	Nhóm 2	Hộp 20 gói x 5 ml	Engelhard SCIENCE INC.	Hàn Quốc	Gói	11.000	600	6.600.000	11.000	BE2400324191- 00	Bệnh Viện Chẩn Đoán	12/12/2024	CÔNG TY TRẮNG NHUẬN HUYỀN DƯỢC PHẨM THIÊN NGỌC	Đầu thầu ông mặt	721/QĐ-BVCK
11	Thioklo Asamix	Hương thảo, Nấm mốc	500mg, 125mg	891100249800 (VTD-33407-19)	Uống	Cao lỏng	Nhóm 3	Hộp 1 chai x 120ml	Công ty cổ phần dược phẩm An Thuận	Việt Nam	Chai 120ml	60.963	200	12.192.000	60.963	BE2500060625- 00	Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	4/14/2025	Công ty Cổ phần Thương Mại Dược phẩm Việt Bắc	Đầu thầu ông mặt	KQ2500060625_2504 131941



ST T	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số ĐK.LH, số GPVK	Đơn g đăng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sân xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kính	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trúng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
															Giá trung thần	Mã TBVT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành QĐ trung thần	Nhà thầu trúng thần	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
12	Thuốc hạ Ásennic	Hàng chính: Nê nêc ; Cnôol	(50mg, 125mg, 0,88mg/ml, 5ml	893100264000 (VD-33407-19)	Uđang	Cao lỏng	Nhóm 3	18g 20 gói x 5ml	Công ty cổ phần dược phần Âu Thiên	Việt Nam	(Chí 5ml)	2.415	3.000	7.245.000	2.415	BB2500103970- 00	Tổng thn y tế huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	4/18/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẠM H ATIPHARM	Đầu thầu công mã	KQ2500103970_2504 131144
13	Thuốc hạ Ásennic	Hàng chính: Nê nêc ; Cnôol	50mg, 125mg, 0,88mg/ml, 60ml	893100264900 (VD-33407-19)	Uđang	Cao lỏng	Nhóm 4	Hộp 1 chai x 60ml	Công ty cổ phần dược phần Âu Thiên	Việt Nam	Chai 60ml	29.400	100	2.940.000	29.400	BB2400603136- 00	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	4/18/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẠM H ATIPHARM	Đầu thầu công mã	KQ2400603136_2504 181044
14	Dầu gừng Thái Dương	(Gừng, menthol, tinh dầu bạc lá, tinh dầu cam (citalepyrol), methyl salicylat, tinh dầu long não, tinh dầu hương thảo trắng, tinh dầu quế	3g/2, 2ml, 1,74g, 0,24ml, 0,24ml, 1,2g, 0,12ml, 0,06ml, 0,12ml	893100636024 (VD-25968-18)	Dạng ngọt	Dầu xoa	Nhóm 3	Lo 6ml	Sao Thái Dương	Việt Nam	Lo	30.000	50	1.500.000	30.000	BB2400610001- 00	Trung tâm y tế thị xã Mường Lay	3/28/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẠM H THANH	Đầu thầu công mã	KQ2400610001_2503 281508
Tổng cộng: 14 khoản														110.633.000							

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP THUỐC

Hợp đồng số:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Công văn số 1026/BVĐK-KD ngày 23/06/2025 của của Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái về việc Mời báo giá và ký hợp đồng cung cấp thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện;
- Căn cứ Công văn sốngày/06/2025 của Công tyvề việc chấp thuận bán thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện theo đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Hôm nay, ngày tháng 06 năm 2025 chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng cung cấp thuốc, gồm có:

Bên mua (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mua: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN.**

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: 02163.834.185

Tài khoản: 8706201002645 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Văn Yên – Bắc Yên Bái

Mã số thuế: 5200149895.

Đại diện là: (Ông) **Cao Ngọc Thắng.**

Chức vụ: Giám đốc

Bên bán (sau đây gọi là Bên B)

Tên Bên bán:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các loại thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
3. Điều kiện chung của hợp đồng;
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A⁽³⁾

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B⁽³⁾

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Phương thức thanh toán: Phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 15.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên mua giữ 03 bộ, Nhà cung cấp giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MUA

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Bên mua” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên mua và Bên bán, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Bên bán” là Bên bán trúng thầu (có thể là Bên bán độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.5. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.6. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.7. “Hoàn thành” là việc Bên bán hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác); 2. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 3. Điều kiện chung của hợp đồng; 4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có). 5. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Bên mua có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên bán và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên bán.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Không áp dụng
7. Bên bán phụ	Không áp dụng
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Bên mua và Bên bán có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo yêu cầu của Bên mua và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà Bên bán phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc phải được thực hiện theo quy định theo yêu cầu của Bên mua. Bên bán phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Bên bán	Bên bán phải cung cấp toàn bộ thuốc trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: Theo quy định tại ĐKCT .
13. Giá hợp đồng	13.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .

15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Bên mua thanh toán chậm, Bên bán sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bản quyền	Bên bán phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà Bên bán đã cung cấp cho Bên mua.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên mua, Bên bán không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Bên mua hoặc đại diện của Bên mua đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên bán cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mua, Bên bán không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 17.1 ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Bên mua. Khi Bên mua có yêu cầu, Bên bán phải trả lại cho Bên mua các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Mục 2 Chương V - Phạm vi cung cấp.
19. Đóng gói thuốc	Bên bán sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất thuốc đến địa điểm giao thuốc quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất thuốc đến địa điểm giao thuốc quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.

21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Bên mua hoặc đại diện của Bên mua có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mua có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, hoặc trừ trường hợp do Bên mua không thanh toán theo đúng quy định dẫn tới ảnh hưởng nguồn tiền của Bên bán, nếu Bên bán không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mua có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên mua sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Bên mua có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Bên bán bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, Bên bán cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc 25.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại ĐKCT.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên bán theo hướng dẫn của Bên mua vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho

	phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên mua phải xem xét để bồi hoàn cho Bên bán các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuộc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Bên mua và Bên bán sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định; 27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Bên mua hoặc Bên bán có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Bên bán không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên mua gia hạn;

b) Bên mua hoặc Bên bán bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;

c) Có bằng chứng cho thấy Bên bán đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;

d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**.

28.2. Trong trường hợp Bên mua chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC, Bên mua có thể ký hợp đồng với Bên bán khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên bán sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mua những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này.

28.3. Trong trường hợp Bên mua chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 28.1 ĐKC, Bên mua không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên mua được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Bên mua: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN. Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
ĐKC 1.3	Bên bán: <i>[ghi tên Bên bán trúng thầu].</i>
ĐKC 1.9	Địa điểm dự án: Trung tâm Y tế huyện Văn Yên Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; - Các tài liệu khác (nếu có)
ĐKC 4	Bên mua không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Bên mua theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Hoàng Kim Sơn - Địa chỉ: Khoa Dược – Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) - Điện thoại: 0982.909.569 - Địa chỉ email: Hoangsondvy@gmail.com
ĐKC 6.1	Không áp dụng
ĐKC 6.2	Không áp dụng
ĐKC 7.1	Danh sách Bên bán phụ: Không áp dụng
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Bên bán phụ: Không áp dụng

ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: - Bên bán và bên mua có trách nhiệm giải quyết tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng hòa giải. - Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra tòa án để
	giải quyết, mọi phán quyết của tòa án là điều bắt buộc thi hành đối với hai bên.
ĐKC 10	Bên bán phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: Hóa đơn thuốc và phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng. Bên mua phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Bên bán sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Bên bán cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
ĐKC 13.1	Giá hợp đồng: Cố định
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Không được phép
ĐKC 15.1	Phương thức thanh toán: - Giá cả thanh toán: Là giá đã được hai bên thống nhất tại phụ lục Hợp đồng, không được điều chỉnh tăng trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực. - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu - Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Đồng Việt Nam (VND). - Số lần thanh toán: Thanh toán thành nhiều đợt theo tiến độ giao hàng (trung bình 1 lần trong tháng).

ĐKC 19	Đóng gói thuốc: Việc đóng gói đối với từng thuốc (bao gồm: cách thức đóng gói, vật liệu đóng gói, thông tin về thuốc ghi trên bao kiện đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ, vận chuyển...) phải đáp ứng với yêu cầu về bảo quản, đóng gói và vận chuyển của nhà sản xuất và các quy định hiện hành
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Khi phát hiện hàng hoá không đúng mọi yêu cầu như khi chào thầu hoặc hàng hoá không đạt tiêu chuẩn chất lượng thì bên bán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên mua.
ĐKC 21	- Yêu cầu về vận chuyển thuốc: + Bên bán giao hàng cho bên mua trên cơ sở danh mục hàng hoá dự trù hàng tháng của bên mua. + Thời gian giao hàng chậm nhất không quá 05 ngày kể từ khi nhận được dự trù mua hàng của bên mua. Trong tháng nếu có biến động do nhu cầu điều trị của bệnh nhân, Bên mua có dự trù mua hàng đột xuất đề nghị bên bán giao hàng sớm cho bên mua chậm nhất không quá 48 giờ kể từ khi nhận được dự trù mua hàng của bên mua. + Hàng được giao tại Khoa Dược – Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) , mọi chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp do bên bán chịu. - Các yêu cầu khác: + Bên bán có trách nhiệm thay thế hàng hóa không đảm bảo yêu cầu trong thời gian bảo hành. + Bên bán phải cử nhân viên áp tải, giao hàng, thực hiện bàn giao đúng quy định.
ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: - Bên mua có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp ở từng giai đoạn như: trước khi giao thuốc, khi thuốc đến... để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. - Nội dung kiểm tra: Kiểm tra thuốc cung cấp có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của nhà sản xuất. Kiểm tra hàng hóa có kèm chứng từ, hóa đơn hợp lệ. - Bên mua có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đối chiếu hàng hóa sau khi nhận hàng. Trong vòng quá trình sử dụng, nếu có vấn đề về chất lượng không do lỗi bên mua, Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán để cùng tìm cách giải quyết. - Bên bán phải xuất trình phiếu kiểm nghiệm của hàng hóa khi giao hàng.

ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 8% giá trị hàng không cung ứng được hoặc chậm thực hiện của Bên bán. Mức khấu trừ: 0,1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên mua có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: Đối với các thuốc trúng thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép GMP hết hiệu lực. Nếu trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên bán không có công văn gia hạn số đăng ký hoặc không được công bố giấy phép GMP thì Bệnh viện chỉ nhập những thuốc đã sản xuất trước thời điểm hết hạn và đáp ứng hạn sử dụng quy định tại ĐKCT.
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Bên mua phải bảo đảm tối thiểu 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/2 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Bên mua quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Bên Mua và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân. - Cơ chế giải quyết hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: + Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng, Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán bằng fax, email, điện thoại, văn bản,... + Bên bán phải tiến hành khắc phục hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua; Bên bán phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc, chi phí kiểm nghiệm của mẫu thuốc không đạt chất lượng.
ĐKC 26.1(d)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trường hợp thuốc giảm giá thì Bên bán thông báo bằng văn bản để hai bên tiến hành điều chỉnh hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng.
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Không có
ĐKC 28.1(d)	Các hành vi khác: Không quy định.

Phụ lục
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG CUNG CẤP THUỐC
(Kèm theo Hợp đồng số ngày /06/2025 giữa Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và Công ty)

STT	Mã thuốc (nếu có)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tối thiểu)	GBKLH hoặc GPNK	Nhóm thuốc	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán buôn KK/KKL		Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
														Giá KK (VNĐ)	Ngày KK				
Tổng:..... khoản														Tổng tiền:					

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN BÁN
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

(Số tiền bằng chữ :)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MUA
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]